

Ngày soạn: 15/11/2024	Dạy	Ngày	27/11/2024
		Tiết	2,3
		Lớp	8C

**Bài 4 : KỊCH VÀ TRUYỆN CƯỜI**  
**TIẾT 45-46 : ĐỌC HIỂU VĂN BẢN 1**  
**ĐỔI TÊN CHO XÃ – Lưu Quang Vũ -**

Thời lượng : 2 tiết

## I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

### 1. Kiến thức

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng.
- Nêu được nội dung bao quát của văn bản (nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, chủ đề, ý nghĩa; tình cảm, thái độ của tác giả...) của hài kịch và truyện cười.
- Từ đó, ghét những thói hư tật xấu, phê phán cái giả dối, biết trân trọng những suy nghĩ trong sáng, nhân văn, những hành động trung thực...

### 2. Năng lực

- Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm và trình bày sản phẩm học tập.

**3. Phẩm chất:** Tiết học góp phần bồi dưỡng phẩm chất giản dị, khiêm tốn.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu...
- Học liệu: Video, hình ảnh, phiếu học tập có liên quan đến nội dung của tiết học.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### Tiết 1:

#### 1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (5')

**a. Mục tiêu:** HS xác định được nội dung chính của tiết học qua việc huy động kiến thức nền từ việc quan sát một số hình ảnh trong cuộc sống.

#### **b. Nội dung:**

**GV** sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của tiết đọc – hiểu văn bản.

**HS** quan sát hình ảnh, suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của giáo viên.

#### **c. Sản phẩm:**

- HS nói được nội dung của đoạn video về tính xấu của con người trong xã hội cần lên án, phê phán.
- Học sinh nêu cảm nhận về đoạn video.

#### **d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)</b> GV: Trước khi vào nội dung của tiết học này, cô mời các em đến với đoạn video. Các em chú ý theo dõi và cho cô biết: - Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần) - Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản:- GV có câu hỏi định hướng: HS quan sát đoạn video và cho	- Tạo tâm thế hứng thú giúp HS vào bài mới.

<p>biết: đoạn video thuộc loại hình nào? Em có cảm nhận gì khi xem xong đoạn video đó? GV cho học sinh xem video về <b>1 trích đoạn vở hài kịch</b> khoảng 2 phút</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b> GV bật video</p> <p><b>HS:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận nhiệm vụ.</li> <li>- Quan sát, lắng nghe video và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.</li> <li>- Sau khi trả lời xong câu hỏi số 1, HS nghe câu hỏi số 2 và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b> GV mời một vài HS xung phong trả lời câu hỏi. HS trả lời câu hỏi 1, 2...</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>GV dẫn dắt vào bài mới: Loại hình sân khấu kịch đặc biệt là hài kịch luôn mang đến cho khán giả những tiếng cười vui vẻ, sảng khoái. Qua thể loại hài kịch, những xung đột, mâu thuẫn giữa cái xấu và cái tốt được bộc lộ rõ nét. Vậy hài kịch là gì? Đặc điểm của thể loại hài kịch ra sao chúng ta cùng tìm hiểu trong tiết hôm nay.</i></li> </ul>	
--	--

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

- a. **Mục tiêu:** Hiểu được kiến thức cơ bản về thể loại kịch và truyện cười
- b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.
- c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p><b>Nhiệm vụ 1: Đọc, chú thích</b> GV hướng dẫn học sinh đọc văn bản GV đọc mẫu HS đọc nối tiếp văn bản <i>Cho hs đọc phân vai</i> + Đọc: Theo em, chúng ta nên đọc văn bản như thế nào? Cần chú ý điều gì khi chúng ta đọc bài? + Tóm tắt nội dung đoạn trích kịch + Trình bày những nét khái quát về văn bản: nhân vật chính, ngôi kể, thể loại, trình tự kể... - HS tiếp nhận nhiệm vụ. GV nhận xét bạn đọc</p> <p><b>Tóm tắt</b> Văn bản kể về sự việc xã Cà Hạ sắp được đổi tên, sự việc diễn ra trong buổi công bố tên xã mới vô cùng long trọng. Việc đổi tên xã khiến chính quyền xã phải phân công lại</p>	<p><b>I. Đọc và tìm hiểu chung</b> <b>1. Đọc, chú thích</b></p>

nhiệm vụ cho từng người. Sau khi nghe phân công nhiệm vụ, ông Sửu thắc mắc về nhiệm vụ của mình và được giao cho vị trí chủ nhiệm trung tâm Triệt sản gia súc. Chưa ai hiểu rõ được nhiệm vụ mình được giao là gì, mọi người bàn tán rất nhiều. Kết thúc văn bản là cuộc nói chuyện của ông Nha, ông Thịnh và Văn Sửu cho thấy sự hài hước, trào phúng của văn bản này.

**Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu chung**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV giao phiếu học tập số 1: tìm hiểu về tác giả, tác phẩm

Lưu Quang Vũ sinh tại xã Thiệu Cơ, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ nhưng quê gốc lại ở quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, là con trai nhà viết kịch Lưu Quang Thuận và bà Vũ Thị Khánh, và tuổi thơ sống tại Phú Thọ cùng cha mẹ. Khi hoà bình lập lại (1954) gia đình ông chuyển về sống tại Hà Nội. Thiên hướng và năng khiếu nghệ thuật của ông đã sớm bộc lộ từ nhỏ và vùng quê trung du Bắc Bộ đó đã in dấu trong các sáng tác của ông sau này.

- GV yêu cầu HS:

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

HS đọc thầm phần Kiến thức ngữ văn trang 83 trong thời gian: 2 phút sau đó quan sát lên màn hình và nói cột A với cột B sao cho phù hợp

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV giao phiếu học tập số 2

Đặc điểm	Nội dung	Nhận xét
----------	----------	----------

**2. Tìm hiểu chung**

**a. Tác giả:**

**Lưu Quang Vũ**

quê xã Thiệu Cơ, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ

**2. Tác phẩm**

- **Xuất xứ:** trích trong vở kịch: Bệnh sĩ (Tuyển tập kịch, NXB sân khấu, Hà Nội 1994)

- **Thể loại:** hài kịch

- **Bối cảnh:** trụ sở xã

- **Sự việc:** cuộc họp bàn về việc đổi tên cho xã

- **Cốt truyện:** xoay quanh sự việc chính đó là đổi tên cho xã

- **Ý nghĩa nhan đề** tác phẩm và văn bản:

+ Nhan đề “Bệnh sĩ” -> khái quát nội dung tác phẩm => viết về một căn bệnh phổ biến trong xã hội, đáng lên án, phê phán.

Nhân vật	Kể tên các nhân vật trong văn bản?	Tên nhân vật có gì đặc biệt?	<p>+ Nhan đề “đổi tên cho xã” -&gt; do nhà xuất bản đặt =&gt; nhan đề khái quát nội dung văn bản</p> <p><b>II. Đọc hiểu chi tiết</b></p> <p><b>1. Đặc điểm tiêu biểu của thể loại kịch trong văn bản</b></p> <p>- <b>Nhân vật:</b> Ông Nha, ông Thịnh, Văn sừ, ông Đốp, bà Đốp → Tên nhân vật giản dị, gần gũi với người dân nông thôn và có tính chất gây cười.</p> <p>- Lời thoại: xuất hiện liên tục và có tính chất hài hước</p> <p>- Chỉ dẫn sân khấu: dòng chữ in nghiêng và để trong dấu ngoặc đơn dùng để chỉ dẫn hành động cho diễn viên</p> <p>- <b>Đề tài:</b> viết về bệnh sĩ trong cuộc sống hàng ngày → đề tài nhấn mạnh một căn bệnh mà nhiều người mắc phải</p> <p>- <b>Nội dung:</b> cuộc họp thông báo những đổi mới của xã Hùng Tâm từ tên xã đến chức vụ của một số người. Trong đoạn trích cũng nói lên vấn đề "bệnh sĩ" trong cuộc sống hàng ngày.</p> <p>- <b>Mục đích của cuộc họp</b> là thông báo việc xã đổi tên thành xã Hùng Tâm, phố Cà, thủ phủ của sẽ thành thị trấn Hùng Tâm.</p> <p><b>2. Cách xây dựng nhân vật trong hài kịch</b></p> <p>- <b>Ông Nha:</b> nhân vật chính</p>
Lời thoại	Tìm một vài lời thoại có tính chất hài hước.	Em có nhận xét gì về lời thoại trong văn bản hài kịch?	
Chỉ dẫn sân khấu	Tìm một số dòng chữ được in nghiêng và để trong ngoặc đơn trong văn bản?	Những dòng chữ ấy có tác dụng gì?	
Đề tài	Văn bản viết về đề tài gì?	Em có nhận xét gì về đề tài mà tác giả lựa chọn?	
Nội dung chính	Nội dung chính của đoạn trích là gì?	Nội dung của đoạn trích có liên quan như thế nào đến tên vở kịch “ Bệnh sĩ”?	
Mục đích	Mục đích của cuộc họp là gì?		
<p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ bằng cách lấy phiếu học tập và thảo luận cặp đôi với bạn cùng bàn để thống nhất nhau</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <p>- HS đại diện bàn trả lời câu hỏi</p> <p>- GV gọi HS bàn khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p><b>Câu hỏi mở rộng:</b></p> <p><b>Cách trình bày kịch bản có gì khác với cách trình bày trong văn bản kí, truyện ngắn hoặc thơ?</b></p> <p>Cách trình bày kịch bản khác xa so với cách trình bày truyện ngắn, kí hoặc thơ. Bởi trong văn bản hài kịch chủ yếu là lời đối thoại giữa các nhân vật với nhau, đan xen vào đó là một số câu văn miêu tả hành động mà các nhân vật sẽ làm. Ngôn ngữ trong văn bản hài kịch cũng thường là ngôn ngữ hài hước, gây cười.</p> <p>Trong đoạn trích cũng nói lên vấn đề "bệnh sĩ" trong cuộc sống hàng ngày. Những người có chức quyền thì ham thành tích, thích sĩ diện mà thay đổi một cách không khoa học, thay đổi linh tinh, lấy những cái tên mỹ miều thay cho những cái tầm phào. Kết quả chẳng thay đổi được gì lại làm cuộc sống nhân dân càng thêm khó khăn.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b></p> <p>Có thể thấy, trong hài kịch có nhiều yếu tố giống với truyện như nhân vật, cốt truyện..Tuy nhiên điểm khác biệt trong hài kịch là có tính chất gây cười và chủ yếu được mô tả qua hành động, cử chỉ, lời nói.</p> <p style="text-align: center;"><b>Tiết 2:</b></p> <p><b>Nhiệm vụ 4: Cách xây dựng nhân vật trong hài kịch</b></p> <p><b>Bước 1: Giao nhiệm vụ</b></p> <p>- HS tìm, phát hiện những chi tiết về hành động và lời nói của</p>			

nhân vật

- Tìm hiểu về xung đột kịch

- Nhận xét được cách xây dựng nhân vật trong kịch

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

**GV** sử dụng kỹ thuật vấn đáp, kỹ thuật khăn phủ bàn để hướng dẫn HS tìm hiểu về đặc điểm nhân vật trong văn bản

**HS** suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận qua việc trình bày phiếu học tập**

Nhân vật	Hành động	Lời nói	Xung đột kịch
Ông Nha	Tìm những từ ngữ diễn tả hành động của các nhân vật?	Tìm những từ ngữ ghi lại lời thoại có tính chất gây cười của các nhân vật?	Ở nhân vật ông Nha, em thấy có điều gì mâu thuẫn với nhau?
Các nhân vật khác			Giữa các nhân vật có điểm gì trái ngược nhau? Qua lời thoại của các nhân vật, em hãy phân tích để làm rõ xung đột kịch trong văn bản?
Nhận xét đánh giá	Tác giả sử dụng thủ pháp nghệ thuật gì khi xây dựng nhân vật?		
	Qua những hành động và lời nói của ông Nha, em thấy ông là người như thế nào? Em có nhận xét gì về tính cách của những nhân vật khác?		

**GV phân tích**

. Ông mong ước xây dựng và phát triển một xã khoa học để ông về vang với các xã khác và với cấp trên >< nhưng ông không hiểu thực tế vốn có của địa phương

Ông tìm hiểu những nơi khác >< nhưng chỉ tìm hiểu một cách hời hợt, chưa có sự phân tích tình hình thực tế của xã mình đã vội vàng đổi mới.

Ông muốn phát triển kinh tế >< nhưng lại vứt bỏ những thứ vốn là cần cù của người dân nơi đây.

Ông nói rất cao siêu >< nhưng thực tế thì phũ phàng bởi những lời ông nói chỉ là sáo rỗng

Ông phong chức một cách tràn lan >< nhưng thực tế thì chẳng ra đâu vào đâu, chính những người giữ chức đó còn chẳng hiểu mình sẽ làm gì.

Nhân vật ông Chủ tịch xã Toàn Nha tiêu biểu cho kiểu người thích sống giả dối và tham vọng một cách mù quáng trong xã hội.

⇒ Thủ pháp trào phúng qua nghệ thuật phóng đại

⇒ Nhấn mạnh, khắc sâu trong lòng người đọc về căn bệnh khoa trương, hình thức đến mức giả dối và lộ bịch.

- Các nhân vật khác:

- Ông bà Đốp, ông Thành -> là những người thật thà, giản dị, chất phác

- Văn Sửu: giả dối, ra oai, quan cách

⇒ *Xung đột kịch xảy ra trong văn bản là sự đối lập giữa sự chân thực, thật thà >< sự giả dối, ảo tưởng, hão huyền, sĩ diện*

*Có thể thấy, nhân vật trong hài kịch chủ yếu được thể hiện qua ngôn ngữ đối thoại và có tính chất gây cười. Thủ pháp trào phúng được tác giả thể hiện rõ nét qua hành động, qua lời nói của các nhân vật. Nhờ cách xây dựng nhân vật, người đọc đã thấy được nét tính cách tiêu biểu của nhân vật ông Nha đại diện cho những người có quyền chức ở địa phương háo danh, thích khoa trương, có thể nói là rất sĩ diện.*

#### **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**

Nhân vật trong hài kịch thường được xây dựng không có sự tương xứng giữa thực chất bên trong và hình thức bên ngoài, giữa suy nghĩ và hành động, lời nói và việc làm. Chính vì lẽ đó, tính cách của nhân vật trong hài kịch được bộc lộ rõ qua xung đột kịch và qua thủ pháp trào phúng. Qua đó làm nổi bật tính cách của nhân vật và tạo ấn tượng sâu đậm về nhân vật trong lòng người đọc.

### **TÌM HIỂU Ý NGHĨA CỦA VĂN BẢN**

#### **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Theo em, văn bản *Đổi tên cho xã* đã nêu lên và phê phán hiện tượng gì? Điều đó còn có ý nghĩa với cuộc sống hôm nay không?

#### **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ theo bàn.

#### **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS cùng bàn thống nhất trả lời câu hỏi

- GV gọi HS nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

#### **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

Bệnh sĩ là căn bệnh tồn tại từ rất lâu trước đây mà đến nay vẫn là một hiện tượng phổ biến trong xã hội. Khi nhiều cá nhân, cơ quan, tổ chức vì muốn chạy đua thành tích mà đưa ra một đồng phương hướng, biện pháp... khác nhau để thử nghiệm trong khi chưa nắm rõ tình hình chính mình. Kết quả là gây ra một đồng sai phạm, đã sai lại càng sai, ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của xã hội.

**Qua văn bản, em thấy bệnh sĩ có tác hại gì? Trong cuộc sống hiện nay, bệnh có còn tồn tại không? Qua những biểu hiện nào và tác hại của nó ra sao?**

### **HD TỔNG KẾT**

#### **B1. Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

? Nhắc lại những thành công về nghệ thuật của văn bản?

? Khái quát nội dung chính của văn bản?

? Văn bản gợi lên trong em những suy nghĩ và tình cảm như thế nào?

Em rút ra bài học gì cho bản thân sau khi học xong văn bản hài kịch?

### **3. Ý nghĩa của văn bản**

Phê phán một hiện tượng nhưc nhôi trong xã hội Việt Nam, đó là thích sĩ diện.

### **III. TỔNG KẾT:**

#### **1. Nghệ thuật:**

- Xây dựng cốt truyện nhẹ nhàng nhưng hài hước và hấp dẫn

- Cách xây dựng nhân vật qua nhiều phương diện.

- Văn bản thành công

<p><b>B2: Thực hiện nhiệm vụ</b> HS làm việc theo nhóm 4 người để hoàn thành nhiệm vụ. GV theo dõi, quan sát HS thảo luận, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).</p> <p><b>B3: Báo cáo, thảo luận</b> HS đại diện các nhóm báo cáo kết quả, HS cặp khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần).</p> <p><b>B4: Kết luận, nhận định</b> - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của cả lớp</p> <p style="text-align: center;"><b>HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP</b></p> <p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b> GV giao tình huống hoạt động cho nhóm để hs thực hiện - Xây dựng kịch bản Trong cuộc sống, có không ít trường hợp em đã gặp mắc bệnh sởi. Hãy xây dựng một tiểu phẩm ngắn để nói lên điều đó. Sau khi xây dựng xong, trong tổ phân công các bạn diễn xuất theo kịch bản đã xây dựng.</p> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b> Hoạt động nhóm theo tổ - HS thực hiện nhiệm vụ: xây dựng kịch bản - Phân công người thực hiện</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b> - HS trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b> - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức</p>	<p>trong việc sử dụng thủ pháp trào phúng tạo nên tiếng cười vui vẻ.</p> <p><b>2. Nội dung</b> - Văn bản kể về việc đổi tên cho xã</p> <p><b>3. Ý nghĩa</b> - Truyện phê phán bệnh sĩ - Nhắc nhở mỗi người sống khiêm nhường, không khoa trương hình thức.</p> <p style="text-align: center;"><b>IV. LUYỆN TẬP</b></p>
--	--

### D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.
- b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.
- c. Sản phẩm:** Đoạn văn của học sinh.
- d. Tổ chức thực hiện:**
- \* **GV giao nhiệm vụ:**  
*Về đoạn văn khoảng 7 câu bày tỏ suy nghĩ của em về bệnh sởi của một số bạn trẻ hiện nay.*
  - \* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoạt động cá nhân hoàn thành sản phẩm ở nhà
  - \* **Báo cáo, thảo luận:** GV khuyến khích HS chia sẻ sản phẩm trên lớp
  - \* **Kết luận, nhận định:**  
GV biểu dương các sản phẩm chia sẻ.

### \* GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN HS BÀI TẬP VỀ NHÀ

#### 1. Bài cũ:

- Ghi nhớ các kiến thức về: tri thức Ngữ Văn, tác giả, tác phẩm, nội dung và nghệ thuật
- Hoàn thành các bài tập trong phần luyện tập và vận dụng

#### 2. Bài mới:

- Chuẩn bị bài “ Cái kính” theo định hướng câu hỏi trong SGK ( I. Tác giả, tác phẩm, tóm tắt. Các câu hỏi mục II)

Ngày soạn: 15/11/2024	Dạy	Ngày	28/11/2024
		Tiết	1,2
		Lớp	8C

**BÀI 4 - TIẾT 47+48 :**  
**ĐỌC HIỂU VĂN BẢN 2: CÁI KÍNH**  
– Nê-xin –  
Thời lượng : 2 tiết

## I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

### 1. Kiến thức

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện cười hiện đại như: tình huống gây cười, nhân vật, hành động gây cười, thủ pháp gây cười...).
- Nêu được nội dung bao quát của văn bản truyện cười (nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, chủ đề, ý nghĩa; tình cảm, thái độ của tác giả...).

### 2. Năng lực

- Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm và trình bày sản phẩm học tập.
- Năng lực đọc hiểu văn bản truyện cười.

**3. Phẩm chất:** Tiết học góp phần bồi dưỡng phẩm chất giản dị, khiêm tốn. Từ đó, ghét những thói hư tật xấu, phê phán cái giả dối, biết trân trọng những suy nghĩ trong sáng, nhân văn, những hành động trung thực...

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu...
- Học liệu: Video, hình ảnh, phiếu học tập có liên quan đến nội dung của tiết học.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### TIẾT 1:

#### HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a. Mục tiêu:** HS xác định được nội dung chính của tiết học qua việc huy động kiến thức nền từ việc quan sát một số hình ảnh trong cuộc sống.

#### b. Nội dung:

**GV** sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của tiết đọc – hiểu văn bản.

**HS** quan sát hình ảnh, suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của giáo viên.

#### c. Sản phẩm:

- HS gọi tên được một số truyện cười dân gian quen thuộc.
- Học sinh kể thêm 1 số truyện cười đã nghe, đã đọc.

#### d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)</b> GV: chiếu slide có hình ảnh minh họa một số truyện cười dân gian. - Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần) - Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản: + GV: Vì sao em cho rằng truyện mà em vừa kể tên là một truyện cười?</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b> <b>HS:</b></p>	<p>- Tạo tâm thế hứng thú giúp HS vào bài mới.</p>



<p>- Nhận nhiệm vụ.                  - Quan sát hình ảnh và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.                  - Sau khi trả lời xong câu hỏi số 1, HS nghe câu hỏi số 2 và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.  <b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b>                  GV mời một vài HS xung phong trả lời câu hỏi.                  HS trả lời câu hỏi 1, 2...  <b>Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):</b>                  - GV dẫn dắt vào bài mới.</p>	
---	--

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

- a. **Mục tiêu:** Hiểu được kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm.
- b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.
- c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>NHIỆM VỤ 1:</b>  <b>Bước 1: Chuyên giao nhiệm vụ</b>  <i>Cho hs đọc truyện</i>                      + <b>Đọc:</b> Theo em, chúng ta nên đọc văn bản như thế nào? Cần chú ý điều gì khi chúng ta đọc bài?                      + <b>Tóm tắt</b> nội dung truyện                      + Trình bày những nét khái quát về văn bản: nhân vật chính, ngôi kể, thể loại, trình tự kể...                      - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  <b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b>                      - HS thực hiện nhiệm vụ.  <b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b>                      - HS trả lời câu hỏi                      - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  <b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b>                      - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức                      Truyện kể về nhân vật "tôi" - một người thích tỏ ra mình là một tri thức chính hiệu. Vì muốn đeo kính, anh ta đi khám mắt. Lần đầu, bác sĩ bảo anh ta cận và cho anh ta đeo kính cận, kết quả là khi đeo anh ta luôn cảm thấy buồn nôn. Lần hai đi khám, anh ta bị bảo là mắt bị viễn thị, anh ta đeo kính mới mà mắt lúc nào cũng đỏ hoe. Lần thứ ba đi khám, người ta bảo anh bị loạn thị, anh đeo kính thì nhìn cái gì cũng lù ra xa khiến anh khó khăn trong giao tiếp và ăn uống. Lần thứ tư đi khám, anh đeo kính mới nhìn cái gì cũng hóa hai. Lần thứ năm đi khám, bác sĩ phán</p>	<p><b>I. Đọc và tìm hiểu chung</b>                      1 Đọc, chú thích</p> <p><b>2. Tìm hiểu chung</b></p>

anh một mắt viễn thị, một mắt cận thị. Anh đổi sang kính khác và không phân biệt được sáng, tối nữa. Sau đó anh đi khám ở nhiều nơi khác, lại uống thuốc, lại tiêm... nhưng vẫn không nhìn rõ được. Một lần, anh bị ngã, kính rơi ra, người khác giúp anh nhặt lại. Từ lúc đó anh nhìn cái gì cũng rõ hẳn. Đến khi vợ anh nhắc, anh mới biết kính mình bị vỡ.

- GV giao phiếu học tập số 1: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm

**KWL**  
Chart

Họ và tên: \_\_\_\_\_

CHỦ ĐỀ: TÁC GIẢ A-DÍT NÊ-XIN VÀ THỂ LOẠI TRUYỆN CƯỜI

K	W	L
What I know	What I wonder	What I learned

- GV yêu cầu HS: Điền bảng KWL

## NHIỆM VỤ 2:

### Bước 1: Giao nhiệm vụ

1/ Vì sao nhân vật tôi lại quyết định đi đo kính?

2/ Câu chuyện diễn ra xoay quanh sự kiện nào?

### Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

GV sử dụng kỹ thuật vấn đáp để hướng dẫn HS tìm hiểu về tình huống của câu chuyện.

HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập

### Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS trả lời câu hỏi

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

### Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động

## 1. Tác giả: A-dít Nê-xin

- A-dít Nê-xin: 1915-1995

+ Quê: Thổ Nhĩ Kỳ

+ Là nhà văn nổi tiếng, có nhiều tác phẩm thuộc thể loại tiểu thuyết và truyện cười được dịch sang tiếng Việt.

+ Tác phẩm: Những người thích đùa, Chát xình! Chát chát bùm!, Cầu thủ bóng đá, ...

## 2. Tác phẩm

- **Xuất xứ:** trích trong “Những người thích đùa”, Thái Hà dịch (NXB Văn học, Hà Nội, 2014)

- **Thể loại:** truyện cười

- **PTBD:** tự sự, miêu tả, biểu cảm.

## II. Đọc hiểu chi tiết

### 1. Tình huống gây cười

- **Nhân vật tôi đi đo kính vì:**

+ Một người bạn gợi ý.

+ Mắt mờ hẳn từ sau khi gặp người bạn đó.

+ Vì nghĩ rằng đeo kính vào thì trông sẽ tri thức hơn.

→ Đeo kính không phải vì mắt khó nhìn mà vì trông cho tri thức hơn; thậm chí bị ảo tưởng khiến cho mắt bị mờ đi. Đây là một người sĩ diện, thích khoe khoang, thích được người nể trọng vì “tri thức” của mình.

- **Câu chuyện xoay quanh những lần đi đo kính của nhân vật “tôi”.**

→ Vì không có bệnh về mắt nên người đàn ông đeo kính nào cũng không phù hợp, dù rằng đã đi khám đủ các bác sĩ trong ngoài nước.

### 2. Sự việc và nhân vật gây cười: những lần đi mua kính

**TIẾT 2:**

**NHIỆM VỤ 3:**

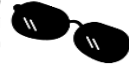
**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**


- HS điền phiếu học tập và thảo luận theo nhóm bàn.

*Những lần đi mua kính*

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Điền vào bảng những chi tiết liên quan đến *kết luận của bác sĩ* và *cảm giác của nhân vật tôi sau khi đeo kính* trong 5 lần đầu đi khám mắt. Từ đó, hãy nhận xét về tính cách của nhân vật tôi và cách khám bệnh của các bác sĩ trong truyện.



Kết luận của bác sĩ	Cảm giác khi đeo kính mới	Nhận xét
Lần 1:		
Lần 2:		
Lần 3:		
Lần 4:		
Lần 5:		

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

Theo em, yếu tố gây cười của truyện được thể hiện qua những chi tiết nào?

**HD TỔNG KẾT**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

1/ Nhắc lại những thành công về nghệ thuật của văn bản?

2/ Khái quát nội dung chính của văn bản?

3/ Văn bản gợi lên trong em những suy nghĩ và tình cảm như thế nào?

4/ Em rút ra bài học gì cho bản thân sau khi học xong văn bản truyện cười?

- **Lần 1:** Cứ đeo vào là “tôi” thấy mặt mày sa sầm, buồn nôn không chịu được.

- **Lần 2:** Anh ta đeo kính mới mà mắt lúc nào cũng đỏ hoe.

- **Lần 3:** Anh đeo kính thì nhìn cái gì cũng lù ra xa khiến anh khó khăn khi bắt tay, đi lại và ăn uống.

- **Lần 4:** Anh đeo kính mới nhìn cái gì cũng hóa hai.

- **Lần 5:** Anh đổi sang kính khác và không phân biệt được sáng, tối nữa.

→ Các bác sĩ trong truyện là những người không có chuyên môn, hành nghề không có tâm. Mắt của nhân vật "tôi" vốn chẳng bị gì hết nhưng lại bị phóng đại thành có bệnh, rồi bệnh này sang bệnh kia. Các ông bác sĩ chê nhau nhưng chính mình cũng khám không ra.

**III. Tổng kết**

**1/ Về nội dung:** Dùng tiếng cười nhẹ nhàng phê phán hiện tượng bệnh tưởng trong cuộc sống và sự thiếu trách nhiệm trong khám chữa bệnh của một số y, bác sĩ.

**2/ Về nghệ thuật:** Cốt truyện giản dị, đời thường, sử dụng

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS làm việc theo cặp để hoàn thành nhiệm vụ.

GV theo dõi, quan sát HS thảo luận, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

HS đại diện cặp đôi báo cáo kết quả, HS cặp khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của cả lớp

**HOẠT ĐỘNG 4. LUYỆN TẬP****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV giao nhiệm vụ

- Từ điển tiếng Việt giải nghĩa từ bệnh tưởng là: “trạng thái tinh thần lo lắng do bị ám ảnh là mình đã mắc một bệnh nào đó, kì thật không phải”. Theo em, nhân vật “tôi” trong truyện Cái kính có mắc bệnh tưởng hay không? Hãy viết một đoạn văn (khoảng 10 – 12 dòng) giải thích vì sao.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS trình bày

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

thành công thủ pháp phóng đại để tạo ra được tiếng cười phê phán nhẹ nhàng nhưng ý nghĩa sâu sắc, thấm thía, ...

**3. Bài học cuộc sống**

- Không nên sĩ diện hay quá coi trọng cái bên ngoài bóng bẩy mà để bên trong sáo rỗng.

- Còn tồn tại những người bị bệnh “tưởng”, tự ám ảnh và tự làm khổ chính mình cùng những người xung quanh.

- Trong xã hội, vẫn còn có những thầy thuốc khám bệnh không vì y đức và tình yêu thương đối với người bệnh mà vì danh lợi, của cải vật chất.

**IV. LUYỆN TẬP**

Từ điển tiếng Việt giải nghĩa từ bệnh tưởng là: “trạng thái tinh thần lo lắng do bị ám ảnh là mình đã mắc một bệnh nào đó, kì thật không phải”. Từ khái niệm này có thể thấy nhân vật “tôi” trong truyện mắc bệnh ảo tưởng nghiêm trọng. Chỉ vì muốn được trong tri thức mà anh ta bắt chấp đánh đổi sức khoẻ để đeo kính. Anh ta thậm chí đã thay đổi kính những bốn lần mặc dù mắt anh ta hoàn toàn bình thường, đây là biểu hiện của sự ảo tưởng và vô trách nhiệm với bản thân. Giá trị của mỗi người là ở chính bản thân họ chứ không phải chỉ nhờ vào cặp kính.

**HOẠT ĐỘNG 5. VẬN DỤNG**

a. **Mục tiêu:** HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

b. **Nội dung:** HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

c. **Sản phẩm:** Phần thảo luận

d. **Tổ chức thực hiện:**

\* **GV giao nhiệm vụ:**

*Trong cuộc sống, em đã chứng kiến (đã nghe, đã đọc) nhiều trường hợp con người bị mắc bệnh “tưởng”. Hãy chia sẻ với các bạn trong lớp một trường hợp như thế. Xác*

***định nguyên nhân và thử tìm giải pháp khắc phục.***

\* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoạt động cá nhân hoàn thành sản phẩm ở nhà, báo cáo vào tiết học sau.

\* **Báo cáo, thảo luận:** GV khuyến khích HS chia sẻ sản phẩm trên lớp

\* **Kết luận, nhận định:**

GV biểu dương các sản phẩm chia sẻ.

**\* GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN HS BÀI TẬP VỀ NHÀ**

**1. Bài cũ:**

- Ghi nhớ các kiến thức về: tác giả, tác phẩm, nội dung và nghệ thuật
- Hoàn thành các bài tập trong phần luyện tập và vận dụng

**2. Bài mới:**

- Chuẩn bị bài “ ***Thực hành Tiếng Việt : Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn***”
- + HS chuẩn bị trước phần tri thức Tiếng Việt
- + Chuẩn bị các BT trong sách GK

Ngày soạn: 15/11/2024	Dạy	Ngày	02/12/2024
		Tiết	3
		Lớp	8C

## TIẾT 49: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT NGHĨA TƯỜNG MINH VÀ NGHĨA HÀM ẨN

*Thời lượng : 1 tiết*

### I. Mục tiêu

#### 1. Về kiến thức:

- Nhận biết được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn
- Phân biệt nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn
- Vận dụng được hiểu biết về nghĩa tường minh, nghĩa hàm ẩn của câu trong hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

#### 2. Về năng lực

##### a. Năng lực chung:

- Biết tự học và tự chủ trong việc đọc, nghiên cứu nội dung bài học trong sách giáo khoa.
- Có năng lực giao tiếp tốt, hợp tác nhóm tích cực, biết giải quyết nhiệm vụ được giao trong bài học một cách sáng tạo.

##### b. Năng lực đặc thù: Phát triển NL ngôn ngữ và NL văn học qua việc :

- Nhận diện nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn
- Vận dụng nghĩa tường minh, nghĩa hàm ẩn để viết đoạn văn, trong khi nói, khi viết

#### 3. Về phẩm chất

- Chăm chỉ: HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.
- Trách nhiệm: Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

### II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Máy tính, máy chiếu
- Phiếu học tập
- Tranh ảnh, video có liên quan đến nội dung tiết học

### III. Tiến trình dạy học

#### HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG


a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình

b) **Nội dung:** Giáo viên cho học sinh quan sát tranh để hình thành những kiến thức về nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn

c) **Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh

d) **Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b> GV chiếu hình ảnh và đặt câu hỏi ? Em hãy quan sát bức tranh và cho biết câu trả lời của người anh có liên quan gì đến câu nói của người em không?</p>	<p>- Tạo tâm thế hứng thú, phân khởi giúp HS vào bài mới.</p>



**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  
 - HS quan sát, suy nghĩ và thực hiện yêu cầu

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  
 - HS trình bày  
 - HS khác nhận xét, bổ sung

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**  
 - Gv nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  
 - G dẫn dắt vào bài mới :  
 Trong bài thơ “Tiếng Việt” nhà thơ Lưu Quang Vũ có viết  
 “Ôi Tiếng Việt như đất cày, như lụa  
 Óng tre ngà và mềm mại như tơ”  
 Đó chính là phát hiện, đúc rút sâu sắc về những đặc trưng của tiếng nói dân tộc, vừa cứng cỏi, khỏe khoắn, vừa mềm mại, dịu dàng, vừa chân chất, mộc mạc, vừa óng ả, tinh tế. Trong chương trình ngữ văn nói chung và chương trình ngữ văn lớp 8 nói riêng. Các tiết thực hành Tiếng Việt có vai trò vô cùng quan trọng, giúp chúng ta biết cách sử dụng tiếng Việt đúng hơn, đẹp hơn, hay hơn. Bên cạnh đó, các tiết học tiếng Việt còn giúp chúng ta bồi đắp năng khiếu thẩm mỹ, lòng tự hào và ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Bài học nghĩa tường minh, nghĩa hàm ẩn ngày hôm nay cũng nhằm mục đích đó.

**HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**I. Kiến thức cơ bản**

<p><b>Mục tiêu: Giúp HS</b>                  - Nắm vững tri thức về nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn</p> <p><b>Nội dung:</b> GV sử dụng KT vấn đáp để hỏi phần tri thức tiếng Việt</p>	
<p><b>Tổ chức thực hiện</b></p>	<p><b>Sản phẩm dự kiến</b></p>
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)</b>                  (?) Nêu hiểu biết của em về nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn                  (?) Phân biệt nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b>                  HS dựa vào phần Tri thức Ngữ văn trong SGK, dựa vào PHT đã chuẩn bị ở nhà để chuẩn bị nội dung trả lời.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</b>  <b>GV:</b> Gọi đại diện HS trả lời  <b>HS:</b></p>	<p><b>I. Kiến thức cơ bản</b></p> <p><b>1. Nghĩa tường minh của câu</b> là nội dung thông báo được diễn đạt trực tiếp bằng các từ ngữ trong câu.</p> <p><b>2. Nghĩa hàm ẩn của câu</b> là nội dung thông báo được suy ra từ nghĩa tường minh và từ ngữ cảnh.</p> <p><b>3. Phân biệt</b>                  - Giống nhau: Đều sử dụng lời nói để diễn đạt thông tin                  - Khác nhau:</p>

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại diện trả lời câu hỏi</li> <li>- Các HS còn lại quan sát, lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét câu trả lời của HS</li> <li>- Chốt kiến thức và chuyển sang phần thực hành bài tập.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tường minh: Diễn đạt trực tiếp điều muốn nói</li> <li>+ Hàm ẩn: Điều muốn nói không trực tiếp diễn đạt bằng từ ngữ trong câu mà phải suy ra từ những từ ngữ ấy -&gt; Diễn đạt gián tiếp điều muốn nói</li> </ul>
--	---

**THỰC HÀNH**

- \* **Mục tiêu:** Học sinh biết vận dụng kiến thức vừa học giải quyết bài tập cụ thể.
- \* **Nội dung:** Các bài tập liên quan đến bài học
- \* **Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh
- \* **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
<p><b>*Nhiệm vụ 1: Bài tập 1</b></p> <p><b>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS: làm bài tập 1</li> </ul> <p>Xác định nghĩa hàm ẩn của những câu dưới đây:</p> <p>a) <i>Nói thật với ông: chú em rể tôi vừa trúng Chủ tịch huyện, chú ấy nể tôi lắm.</i> (Lưu Quang Vũ)</p> <p>b) <i>Thằng cha lang băm nào cho anh đơn mua cái kính này thế?</i> (Nê-xin)</p> <p>c) <i>Cậu phải đi khám bệnh viện nhà nước xem sao!</i> (Nê-xin)</p> <p>GV chia lớp làm 3 nhóm, hướng dẫn HS cách xác định nghĩa hàm ẩn trong các trường hợp.</p> <p>Nhóm 1 – câu a Nhóm 2 – câu b Nhóm 3 – câu c</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh hoạt động theo nhóm để trả lời câu hỏi theo yêu cầu</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại diện nhóm học sinh trình bày</li> <li>- HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung</li> </ul> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét câu trả lời của HS.</li> <li>- GV đánh giá, chốt kiến thức.</li> <li>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức:</li> </ul> <p><b>* Nhiệm vụ 2: Bài tập 2</b></p> <p><b>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi và thực hiện yêu cầu</li> </ul> <p>Đọc đoạn văn dưới đây (trích tác phẩm “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố) và thực hiện các yêu cầu nêu sau đó:</p> <p><i>Chị Dậu vừa nói vừa mếu:</i></p>	<p><b>II. THỰC HÀNH</b></p> <p><b>Bài tập 1</b></p> <p>a) <b>Câu:</b> "Nói thật với ông: Chú em rể tôi vừa trúng Chủ tịch huyện, chú ấy nể tôi lắm." là lời khoe khoang của ông Nha với Văn Sửu và ông Thành về mối quan hệ của mình với lãnh đạo cấp trên (thuộc văn bản <i>Đổi tên cho xã</i>).</p> <p>b) <b>Câu:</b> "Thằng cha lang băm nào cho anh cái đơn kính này thế?" là lời chê bai của ông bác sĩ xem mắt cho nhân vật "tôi" trong văn bản <i>Cái kính</i>, tỏ ý chê bai về việc nhân vật "tôi" không bị cận nhưng lại được chỉ định đeo kính.</p> <p>c) <b>Câu:</b> "Cậu phải đi khám bệnh viện nhà nước xem sao!" là lời của người bạn thân với nhân vật "tôi" trong văn bản <i>Cái kính</i>, khi thấy bạn thân mình gặp vấn đề về mắt khi đeo kính, người bạn thân gợi ý việc đi khám ở bệnh viện nhà nước vì "bệnh viện nhà nước khám cẩn thận" và ngầm chê bai bác sĩ tư.</p> <p><b>Bài tập 2</b></p>



- *Thôi u không ăn, để phân cho con. Con chỉ được ăn ở nhà bữa này nữa thôi. U không muốn ăn tranh của con. Con cứ ăn thật no, không phải nhường nhịn cho u. Cái Tí chưa hiểu hết ý câu nói của mẹ, nó xám mặt lại và hỏi bằng giọng luống cuống:*

- *Vậy thì bữa sau con ăn ở đâu?*

*Điểm thêm một giây nức nở, chị Dậu ngỏ con bằng cách xót xa:*

**- Con sẽ ăn ở nhà cụ Nghị thôn Đoài.**

a) Nêu nghĩa hàm ẩn của những câu in đậm. Vì sao chị Dậu không dám nói thẳng với con mà phải dùng câu có nghĩa hàm ẩn?

b) Nghĩa hàm ẩn trong câu nói nào của chị Dậu rõ hơn? Vì sao chị Dậu phải nói rõ hơn như vậy?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, hợp tác và thực hiện.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Các nhóm HS tham gia

- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =>

Để sử dụng nghĩa hàm ẩn, cần có hai điều kiện:

- Người nói ( người viết) có ý thức đưa hàm ẩn vào câu nói

- Người nghe (người đọc) có năng lực giải đoán hàm ý.

**\*Nhiệm vụ 3: Bài tập 3**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS thực hiện yêu cầu

Ghép câu tục ngữ ở cột bên trái với nghĩa hàm ẩn ở cột bên phải:

a) Cái nét đánh chết cái đẹp.	1) việc làm ra thóc gạo vô cùng vất vả, khó nhọc.
b) Một hạt thóc vàng chín giọt mồ hôi.	2) có danh tiếng tốt quan trọng hơn có nhiều của cải, tiền bạc.
c) Một điều nhịn chín điều lành.	3) cái đẹp về đạo đức có giá trị cao hơn hẳn cái đẹp bề ngoài.
d) Một nghề cho chín còn hơn chín nghề.	4) nhẫn nhịn sẽ giúp tránh được những điều không hay.
e) Tốt danh hơn lành áo	5) thành thạo, tinh thông một nghề còn hơn biết nhiều nghề không đến nơi đến chốn.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS suy nghĩ, hợp tác và thống nhất ý kiến

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**

a) Giải thích nghĩa hàm ẩn:

- "Con chỉ được ăn ở nhà bữa này nữa thôi." = Sau bữa ăn này con không còn được ở nhà với thầy mẹ và các em nữa. Mẹ đã bán con.

- "Con sẽ ăn ở nhà cụ Nghị thôn Đoài." = Mẹ đã bán con cho nhà cụ Nghị thôn Đoài.

=> Chị Dậu không dám nói thẳng với con mà phải dùng câu có nghĩa hàm ẩn vì chị sợ làm tổn thương cái Tí, sợ nó tủi lòng và nghĩ rằng gia đình không yêu thương nó nữa.

b) Nghĩa hàm ẩn được thể hiện rõ nhất qua câu: "Con sẽ ăn ở nhà cụ Nghị thôn Đoài."; câu văn thể hiện rõ thông tin, nhờ đó cái Tí biết rõ nơi mà nó sắp phải đến ở.

**Bài tập 3.**

- a) - 3
- b) - 1
- c) - 4
- d) - 5
- e) - 2

<p>- Đại diện HS trả lời. - HS khác nhận xét, bổ sung. <b>Bước 4: Kết luận, nhận định</b> - Giáo viên nhận xét, đánh giá phần báo cáo của HS. - G chốt kiến thức <b>*Nhiệm vụ 4: Bài tập 4</b> <b>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</b> - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4. Yêu cầu viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 dòng) nêu cách hiểu về một câu tục ngữ mà em thích và bài học em rút ra được từ câu tục ngữ đó <b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b> - HS hoạt động cá nhân, suy nghĩ trả lời. <b>Bước 3: Báo cáo thảo luận</b> - HS trình bày. - HS nhận xét, bổ sung. <b>Bước 4: Kết luận, nhận định</b> - GV nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức</p>	<p><b>Bài tập 4:</b> * Về hình thức, bài làm dưới dạng đoạn văn (khoảng 5 - 7 dòng). * Về nội dung, bài làm trả lời những câu hỏi sau: - Câu tục ngữ mà em định nói tới là câu nào? - Nghĩa tường minh của câu tục ngữ ấy là gì? - Nghĩa hàm ẩn của câu tục ngữ ấy là gì? - Bài học em rút ra được từ câu tục ngữ ấy là gì?</p>
--	---

**HOẠT ĐỘNG 3. VẬN DỤNG**

- \* **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
- \* **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học đặt câu, tạo lập văn bản.
- \* **Sản phẩm:** Bài làm của học sinh
- \* **Tổ chức thực hiện:**

<b>Tổ chức thực hiện</b>	<b>Sản phẩm dự kiến</b>
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b> - GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn (6-8 câu) nêu suy nghĩ của em về tình yêu quê hương đất nước của người Việt Nam. (Trong đoạn văn có sử dụng tục ngữ hoặc thành ngữ có nghĩa hàm ẩn) GV hướng dẫn HS: Về nội dung: suy nghĩ về tình yêu quê hương đất nước của người Việt Nam Về hình thức: Trình bày đoạn văn cần đảm bảo đủ dung lượng câu, đảm bảo hình thức của 1 đoạn văn. <b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b> - Học sinh hoạt động cá nhân để thực hiện yêu cầu <b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</b> - Học sinh trình bày sản phẩm. - HS nhận xét, đánh giá <b>Bước 4: Kết luận, nhận định</b> - Gv nhận xét, đánh giá sản phẩm của HS và tuyên dương HS</p>	<p>Dân tộc Việt Nam vốn giàu truyền thống. Một trong những truyền thống quý giá đó là lòng yêu nước. Tình yêu dành cho quê hương, đất nước - thứ tình cảm mà bất cứ con người nào cũng cần phải có. Nhờ có tình yêu đó, dân tộc ta đã vượt qua những khó khăn. Trong quá khứ là các cuộc kháng chiến để bảo vệ lãnh thổ của đất nước. Nhiều người con đã ngã xuống vì tinh thần: “Quyết tử cho tổ quốc quyết sinh”. Đến với thời điểm hiện tại, tình yêu quê hương, đất nước lại được thể hiện ở phương diện khác. Mỗi người khi tiếp thu văn minh hiện đại của nước ngoài dựa trên nguyên tắc “hòa nhập chứ không hòa tan”. Nhiều thanh niên tài năng với những phát minh khoa học được thế giới công nhận lại nguyện trở về Việt Nam xây dựng sự nghiệp. Nhiều sinh viên vừa mới tốt nghiệp, tình nguyện trở về quê hương để xây dựng cho quê hương mình. Bên cạnh đó, không ít người sẵn sàng chạy theo lối sống thực dụng, ăn chơi sa đọa, lãng phí, sống tự do, cá nhân, vô tổ chức... Đó là những hành động đáng phê phán và tránh xa. Chúng ta - những con người Việt Nam hãy luôn dặn lòng phải giữ cho mình một tình yêu dành cho quê hương, đất nước để xứng đáng với đạo lí tốt đẹp của dân tộc “ <b>Uống</b></p>

	<i>nước nhớ nguồn”.</i>
--	-------------------------

**\* GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN HS BÀI TẬP VỀ NHÀ****1. Bài cũ:**

- Ghi nhớ các kiến thức về: tác giả, tác phẩm, nội dung và nghệ thuật
- Hoàn thành các bài tập trong phần luyện tập và vận dụng

**2. Bài mới:**

- Chuẩn bị bài “ *Ông Giuốc Đanh mặc lễ phục*”
- + Tìm hiểu các kiến thức về Tác giả, tác phẩm và các câu hỏi trong SGK

Ngày soạn: 15/11/2024	Dạy	Ngày	04/12/2024
		Tiết	2
		Lớp	8C

**TIẾT 50 : THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU  
ÔNG GIUỐC-ĐANH MẠC LỄ PHỤC  
(TRÍCH VỞ KỊCH TRƯỞNG GIẢ HỌC LÂM SANG)  
(MÔ-LI-E)**

Thời lượng : 1 tiết

### I. Mục tiêu

#### 1. Về kiến thức

- HS tiếp tục nhận biết được các yếu tố hình thức của truyện cười (nhân vật, lời thoại)
- HS hiểu được các yếu tố nội dung của văn bản (đề tài, ý nghĩa)

**2. Về năng lực-** Phát triển năng lực chung: thông qua các hoạt động học tập để phát triển năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

#### 3. Về phẩm chất

- Ghét những thói hư tật xấu, biết phê phán, loại bỏ những tật xấu trong cuộc sống

### II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Máy tính, máy chiếu
- Phiếu học tập số
- Tranh ảnh bìa sách truyện cười dân gian Việt Nam, link web đọc thêm về truyện cười dân gian.

### III. Tiến trình dạy học

#### 1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

a) Mục tiêu:

- Huy động kiến thức cũ, tạo tâm thế cho HS bước vào giờ học

b) Nội dung

- GV tổ chức cho HS xem video một truyện cười dân gian Việt Nam và phát vấn về video

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS về nguyên nhân gây cười

d) Tổ chức thực hiện

#### **HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

(Thời gian: 5 phút)

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1:** GV giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu HS xem video sau: [https://youtu.be/evxxxk2Z\\_sI](https://youtu.be/evxxxk2Z_sI) (GV cắt lấy 3 phút đầu video)

- **Câu hỏi kết nối bài học:** Theo em, tại sao khi xem đoạn video này, em lại bật cười? Em cười ai? Cười điều gì ở nhân vật này?

**Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo, trả lời: HS xem, suy nghĩ, trả lời.

**Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

**Bước 4:** Đánh giá, kết luận: Nhận xét câu trả lời của HS để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

#### **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

(Thời gian: 30 phút)

Hoạt động của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
<p><b>Hoạt động 1: Đọc, tìm hiểu chung</b></p> <p>* <b>Mục tiêu:</b> Tìm hiểu về tác giả Mô-li-e, đoạn trích “Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục”.</p> <p>* <b>Nội dung:</b> tác giả Mô-li-e, đoạn trích “Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục</p> <p>* <b>Sản phẩm:</b> Câu trả lời của hs</p> <p>* <b>Tổ chức thực hiện:</b></p> <p><b>1.Đọc, chú thích</b>  <b>GV hướng dẫn HS đọc phân vai văn bản:</b>  - GV yêu cầu giọng đọc: Đọc to, rõ ràng, diễn cảm, những chỗ lời nhân vật, đọc đúng giọng điệu.  - GV mời học sinh chọn vai và đọc.  + Người dẫn chuyện cảnh  + Ông Giuốc-đanh: Giàu có, ngu ngơ, lại háo danh, dễ bị lừa.  + Bác phó may  + Tay thợ phụ.  -&gt; Giọng phó may, thợ phụ: Khéo léo, chiều khách, nịnh hót nhưng trong bụng lại biết rõ và coi thường vị khách sộp nhưng ngu ngốc này.  Yêu cầu HS đọc bằng mắt phần hộp chỉ dẫn bên phải.  - GV gọi một số HS chia sẻ các kết quả đọc theo các chỉ dẫn bên phải văn bản.</p> <p><b>2. Tìm hiểu chung</b>  <b>NV1: Tìm hiểu tác giả Mô-li-e</b> và vở hài kịch “Trưởng giả học làm sang”  <b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b>  Kĩ thuật trình bày 01 phút:  ? Qua tìm hiểu ở nhà, nêu những hiểu biết của em về tác giả Mô-li-e.  (GV yêu cầu HS chuẩn bị sản phẩm tìm hiểu tác giả ở nhà với hình thức: sơ đồ tư duy, trang Facebook cá nhân hoặc hồ sơ người nổi tiếng.</p> <p><b>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.</b>  <b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</b>  GV mời một số HS chia sẻ thông tin về tác giả Mô-li-e.  <b>Bước 4: Đánh giá, kết luận</b>  - Mô-li-e sinh ở Paris, cha ông là nhà buôn len dạ giàu có sau đó làm hầu cận nhà vua. Lên 10 tuổi, Mô-li-e mồ côi mẹ. Ông học ở Jesuit Clermont College (nay là Lycée Louis-le-Grand), là nơi học sinh phần nhiều học bằng tiếng Latin.  - Mô-li-e thông thạo tiếng Latinh và đã dịch tác phẩm "Về bản chất sự vật" của thi hào Lucretius sang tiếng Pháp (bản dịch bị thất lạc). Vào năm 1639, ông học xong Jesuit Clermont College, năm 1639 – 1640 học luật tại Đại học Orlean. Bố của Poquelin thường nhắc con theo con đường</p>	<p><b>I.Đọc, tìm hiểu chung</b>  <b>1.Đọc, chú thích</b></p> <p><b>2. Tìm hiểu chung</b>  <b>a. Tác giả</b>  - Mô-li-e (1622 - 1673) tên khai sinh là Jean-Baptiste Poquelin.</p>

<p>của ông - nổi nghiệp chức vị trong cung đình. Tuy nhiên ông không theo ý cha, nhường công việc này cho em trai và chọn nghề diễn viên.</p> <p>- Vào năm 1643, ông thành lập đoàn kịch Illustre Théâtre và lấy nghệ danh Mô-li-e từ đây. Sau một số thất bại do mắc nợ nhiều, đoàn kịch phải giải thể, ông bị bỏ tù..</p> <p><b>* Sự nghiệp</b></p> <p>- Ông được biết đến với vai trò là nhà thơ, nhà viết kịch, người sáng tạo ra thể loại kịch cổ điển và ông là một bậc thầy của kịch nghệ châu Âu</p> <p>- Năm 1655, ông viết vở kịch thơ đầu tiên là “Gàn dở”</p> <p>- Đến năm 1672 - 1673 ông viết vở kịch cuối cùng là “Bệnh giả tưởng”.</p> <p><b>* Chiếu sơ đồ tư duy về tác giả để chốt.</b></p>	
<p>- Vở kịch “Trưởng giả học làm sang” gồm 5 hồi, được ra đời là theo lời đề nghị của vua Lu- i XIV, nhân dịp đón tiếp xứ quán Thổ Nhĩ Kỳ.</p> <p>Vở hài kịch “Trưởng giả học làm sang” (gã tư sản học làm quý tộc) là vở hài kịch 5 hồi (màn) chế giễu Giuốc đanh một lão nhà giàu ngu dốt nhưng lại tập tễnh học đòi làm quý tộc sang trọng của Mô- li- e được trình diễn lần đầu ngày 14/11/1670 tại Sam-bơ cho triều đình xem.</p> <p>Tác giả đã tạo nên bức tranh xã hội Pháp thế kỉ XVII vô cùng sinh động và chân thật: Những gã trọc phú học đòi quý tộc một cách ngu ngốc, ketch cớm, những tên quý tộc kiêu cách dõm giả dối, xảo trá, tham lam. Mô- li-e đặt niềm tin ở thế hệ trẻ, những người có hiểu biết, giàu lòng nhân ái. Ông đề cao các giá trị đích thực của cá nhân. Nhà viết kịch đã sử dụng tiếng cười như một vũ khí sắc bén để tấn công lối sống cầu kì rườm của tầng lớp quý tộc Pháp đương thời và đả mạt trưởng giả lộ bịch đang quý tộc hóa.</p>	<p><b>b. Tác phẩm:</b></p> <p>- Thể loại: Hài kịch.</p>
<p><b>NV2: Tìm hiểu đoạn trích “Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục”</b></p> <p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b>          Trả lời câu hỏi: <b>Thảo luận theo cặp trong bàn:</b></p> <p>? <i>Nêu xuất xứ, tóm tắt đoạn trích</i>          ? <i>Văn bản có thể chia bố cục làm mấy phần? Nội dung từng phần?</i></p> <p><b>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.</b></p> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</b>          GV mời đại diện một số cặp chia sẻ nhanh kết quả thảo luận tìm hiểu chung về văn bản.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá, kết luận</b>          - Đoạn trích kể chuyện bác phó may mang đến cho ông Giuốc-đanh bộ lễ phục thêu hoa ngược khiến ông tức giận. Nhưng khi nghe bác ta nói tất cả những người quý tộc đều mặc như vậy cả thì Giuốc-đanh tỏ vẻ rất hài lòng.</p>	<p>- <b>PTBD:</b> Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm</p> <p>- Văn bản “Ông Giuốc- đanh mặc lễ phục” được trích từ cảnh 5 hồi 2.</p> <p><b>c. Bố cục:</b> 2 phần</p> <p>- <b>Phần 1:</b> Từ đầu → các nhà quý phái: Cuộc đối thoại giữa ông Giuốc-đanh và bác phó may trước khi mặc lễ phục.</p> <p>- <b>Phần 2:</b> Còn lại: Cuộc đối thoại của ông Giuốc-đanh và những tay thợ phụ sau khi mặc lễ phục.</p> <p><b>d. Cách đọc văn bản</b>          + Tóm tắt nội dung đoạn</p>

	<p>trích (văn bản kể lại sự việc gì? Sự việc ấy xảy ra trong bối cảnh nào?</p> <p>+ Đặc điểm của hài kịch được thể hiện trong văn bản ở những phương diện nào (xung đột, nhân vật, hành động, lời thoại, thủ pháp trào phúng....)?</p> <p>+ Liên hệ, kết nối với kinh nghiệm của bản thân để hiểu sâu hơn về nội dung văn bản và hiểu thêm chính mình.</p>
--	--

**Hoạt động 2: Tìm hiểu chi tiết**

- \* **Mục tiêu:** Nhận biết được một số yếu tố hình thức (xung đột, nhân vật, hành động, lời thoại, thủ pháp trào phúng) và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, tình cảm, thái độ) của hài kịch cổ điển Pháp
- \* **Nội dung:** hình thức, nội dung vở kịch
- \* **Sản phẩm:** Câu trả lời của hs
- \* **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến																						
<p><b>NV1: Tìm hiểu ông Giuốc-đanh</b></p> <p><b>Bước 1: GV giao nhiệm vụ:</b></p> <p>* <b>Nhóm 1:</b> Tìm hiểu ông Giuốc-đanh trước khi mặc lễ phục.</p> <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <th colspan="2">Ông Giuốc-đanh trước khi mặc lễ phục</th> </tr> <tr> <td>Thái độ lúc đầu</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Thái độ lúc về sau</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Nguyên nhân thay đổi</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Mâu thuẫn gây cười</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Đánh giá</td> <td></td> </tr> </table> <p>* <b>Nhóm 2:</b> Tìm hiểu ông Giuốc-đanh sau khi mặc lễ phục.</p> <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <th>Thợ phụ</th> <th>Thái độ Giuốc-đanh</th> </tr> <tr> <td>Bầm ông lớn</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Bầm cụ lớn</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Bầm đức ông</td> <td></td> </tr> <tr> <td colspan="2">Đánh giá Giuốc-đanh:</td> </tr> </table>	Ông Giuốc-đanh trước khi mặc lễ phục		Thái độ lúc đầu		Thái độ lúc về sau		Nguyên nhân thay đổi		Mâu thuẫn gây cười		Đánh giá		Thợ phụ	Thái độ Giuốc-đanh	Bầm ông lớn		Bầm cụ lớn		Bầm đức ông		Đánh giá Giuốc-đanh:		<p><b>II. Đọc, hiểu chi tiết</b></p> <p><b>1. Ông Giuốc-đanh trước khi mặc lễ phục</b></p> <p>- Thái độ: Sắp phát khùng vì:</p> <p>+ Bộ lễ phục mang đến chậm, không phải màu đen, may hoa ngược.</p> <p>+ Đôi bít tất: chật đến nỗi đã đứt 2 mắt.</p> <p>+ Đôi giày: cũng chật khiến chân đau ghê gớm.</p> <p>+ Vải may áo bị cắt bớt.</p> <p>- Về sau: bác phó may “vụng chèo khéo chống”, đánh vào tâm lí thích học đòi làm sang theo kiểu quý tộc nên ông ưng thuận ngay.</p> <p>- Mâu thuẫn kịch gây cười</p> <p>-&gt; Giuốc-đanh khó tính, khắt khe từ chủ động trở thành bị động trước sự ma mãnh của tay phó may lợc lõi, khéo miệng đưa đẩy chỉ vì thói học đòi làm sang.</p> <p>→ Giuốc-đanh thích ăn diện, muốn có vẻ bề ngoài</p>
Ông Giuốc-đanh trước khi mặc lễ phục																							
Thái độ lúc đầu																							
Thái độ lúc về sau																							
Nguyên nhân thay đổi																							
Mâu thuẫn gây cười																							
Đánh giá																							
Thợ phụ	Thái độ Giuốc-đanh																						
Bầm ông lớn																							
Bầm cụ lớn																							
Bầm đức ông																							
Đánh giá Giuốc-đanh:																							

<p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại diện các nhóm bày tỏ quan điểm câu 1,2</li> <li>- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định:</b> GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).</p> <p><b>? Qua câu nói riêng ở cuối màn kịch cho ta thấy được tính cách gì ở ông Giuốc-đanh?</b></p> <p><b>Hoạt động nhóm (6 nhóm), kết nối với phần Khởi động.</b></p> <p><b>Cách thức: 4 bước</b></p> <p><b>Bước 1: Giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thời gian: 5’</li> <li>+ HS: Chia nhóm thảo luận (mỗi nhóm 5-8 HS).</li> <li>+ Nội dung (Phiếu học tập-MC): <b>Vì sao ông Giuốc-đanh là một nhân vật hài kịch? Chúng ta cười ông ta vì những điểm nào?</b></li> </ul> <p><b>+ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p><b>+ Bước 3: Trao đổi thảo luận</b></p> <p>Đại diện trình bày.</p> <p>Các nhóm khác nhận xét bổ sung.</p> <p><b>+ Bước 4: Đánh giá chốt kiến thức (MC)</b></p> <p>Ông Giuốc-đanh nhân vật hài kịch bất hủ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khán giả cười ông vì ông ngu dốt chẳng biết gì, chỉ vì thói học đòi làm sang mà bị bác phó may và tay thợ phụ lợi dụng để kiếm chác</li> <li>+ Cười vì thấy ông ngớ ngẩn tưởng rằng phải mặc áo hoa ngược mới là sang trọng. Cười vì thấy ông cứ moi tiền mãi để mua cái danh hão.</li> <li>+ Khán giả cười đến vỡ rạp khi tận mắt nhìn trên sân khấu ông Giuốc-đanh bị 4 tay thợ phụ lột quần áo ra, mặc cho bộ lễ phục lố lăng theo nhịp điệu, màu sắc vớ vẩn (không phải là màu đen sang trọng) lại may ngược hoa, ấy thế mà vẫn vênh vang ra vẻ ta đây là quý phái.</li> </ul>	<p>sang trọng nhưng lại ngu dốt không có chút kiến thức nào về ăn mặc.</p> <p><b>2. Ông Giuốc-đanh sau khi mặc lễ phục</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tay thợ phụ tôn xưng Giuốc-đanh: ông lớn → cụ lớn → đức ông ⇒ mục đích moi tiền.</li> <li>- Ông Giuốc-đanh: Yêu cầu nhắc lại, sung sướng, cười lớn, liên tục thưởng tiền.</li> <li>- Mâu thuẫn gây cười: Giuốc-đanh biết mình bị lợi dụng nhưng vẫn chi tiền vì thói học đòi làm sang.</li> <li>→ Kê háo danh, ưa nịnh</li> <li>⇒ Thể hiện sự lố lăng, què kệch, ngu dốt – con rôi, trò cười cho mọi người.</li> <li>⇒ Tác giả phê phán những người dốt nát muốn học đòi làm sang.</li> </ul> <p>- Câu nói riêng ở cuối đoạn vừa chứng minh cho tính cách của ông vừa làm tăng thêm tính cách hài cho nhân vật và cảnh kịch vì háo danh nên trở thành nạn nhân của thói nịnh bợ: bị rút tiền thưởng.</p>
<p><b>Hoạt động 3: Hướng dẫn HS tổng kết</b></p> <p>* <b>Mục tiêu:</b> Khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của đoạn trích.</p> <p>* <b>Sản phẩm:</b> Câu trả lời của hs</p> <p>* <b>Tổ chức thực hiện:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV sử dụng kỹ thuật đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .</li> <li>- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.</li> </ul>	
<p><b>Bước 1: Chuyên giao nhiệm vụ:</b> Hoạt động cá nhân</p> <p>? Chỉ ra những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích?</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy.</li> <li>- GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ</li> </ul>	<p><b>III. Tổng kết</b></p> <p><b>1. Nghệ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lời thoại chân thực, sinh động.</li> <li>- Ngôn ngữ trào phúng, mỉa mai, đả kích, phê phán.</li> </ul>



<p>(nếu HS gặp khó khăn).</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</b> Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá, kết luận</b></p>	<p>- Nghệ thuật tăng cấp khắc họa rõ nét tính cách nhân vật.</p> <p><b>2. Nội dung:</b> Đoạn trích khắc họa tài tình tính cách lố lăng của một tên trưởng giả muốn học làm sang, tạo nên tiếng cười sáng khoái cho khán giả.</p>							
<b>HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG</b>								
<p><b>a. Mục tiêu:</b> - HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.</p> <p><b>d. Tổ chức thực hiện:</b> - Trả lời câu hỏi; tham gia sân khấu hóa đoạn trích.</p>								
<p><b>Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Sân khấu hóa đoạn trích Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV chia 2 nhóm.</li> <li>- Nhóm 2: Sân khấu hóa cảnh 1: Ông Giuốc-đanh và bác phó may</li> <li>- Nhóm 1: Sân khấu hóa cảnh 2: Ông Giuốc-đanh và tay thợ phụ.</li> <li>- <b>G chiếu rubics đánh giá sản phẩm.</b></li> </ul>								
<table border="1" style="width: 100%; text-align: center;"> <thead> <tr> <th>Mức 1</th> <th>Mức 2</th> <th>Mức 3</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="177 1111 632 1391">Kịch bản đúng hướng nhưng chưa đầy đủ nội dung, diễn viên chưa nhập vai tốt. (5 – 6 điểm)</td> <td data-bbox="632 1111 1031 1391">Kịch bản đủ nội dung nhưng chưa hấp dẫn, các diễn viên diễn có ý thức diễn xuất nhưng chưa tạo được ấn tượng sâu. (7 – 8 điểm)</td> <td data-bbox="1031 1111 1501 1391">Kịch bản đầy đủ nội dung và hấp dẫn, cuốn hút người đọc, diễn viên diễn xuất tốt, mang lại cảm xúc cho người xem. (9 - 10 điểm)</td> </tr> </tbody> </table>	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Kịch bản đúng hướng nhưng chưa đầy đủ nội dung, diễn viên chưa nhập vai tốt. (5 – 6 điểm)	Kịch bản đủ nội dung nhưng chưa hấp dẫn, các diễn viên diễn có ý thức diễn xuất nhưng chưa tạo được ấn tượng sâu. (7 – 8 điểm)	Kịch bản đầy đủ nội dung và hấp dẫn, cuốn hút người đọc, diễn viên diễn xuất tốt, mang lại cảm xúc cho người xem. (9 - 10 điểm)		
Mức 1	Mức 2	Mức 3						
Kịch bản đúng hướng nhưng chưa đầy đủ nội dung, diễn viên chưa nhập vai tốt. (5 – 6 điểm)	Kịch bản đủ nội dung nhưng chưa hấp dẫn, các diễn viên diễn có ý thức diễn xuất nhưng chưa tạo được ấn tượng sâu. (7 – 8 điểm)	Kịch bản đầy đủ nội dung và hấp dẫn, cuốn hút người đọc, diễn viên diễn xuất tốt, mang lại cảm xúc cho người xem. (9 - 10 điểm)						
<p><b>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b> - HS thực hiện ở nhà</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo, tiết học sau</b></p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định:</b></p>								

Ngày soạn: 15/11/2024	Day	Ngày	05/12/2024
		Tiết	1
		Lớp	8C

**TIẾT 51 : THỰC HÀNH ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN**  
**“THI NÓI KHOÁC”**  
 Thời lượng: 1 tiết

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức**

- HS tiếp tục nhận biết được các yếu tố hình thức của truyện cười (nhân vật, lời thoại)
- HS hiểu được các yếu tố nội dung của văn bản (đề tài, ý nghĩa)

**2. Về năng lực-** Phát triển năng lực chung: thông qua các hoạt động học tập để phát triển năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**3. Về phẩm chất**

- Ghét những thói hư tật xấu, biết phê phán, loại bỏ những tật xấu trong cuộc sống

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Máy tính, máy chiếu
- Phiếu học tập số 1, số 2, số 3
- Tranh ảnh bìa sách truyện cười dân gian Việt Nam, link web đọc thêm về truyện cười dân gian.

**III. Tiến trình dạy học**

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

a) Mục tiêu:

- Huy động kiến thức cũ, tạo tâm thế cho HS bước vào giờ học

b) Nội dung

- GV tổ chức cho HS xem video một truyện cười dân gian Việt Nam và phát vấn về video

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS về nguyên nhân gây cười

d) Tổ chức thực hiện

- GV nêu câu hỏi trước khi xem video: Điều gì khiến cho em cười sau khi xem, nghe truyện trong video sau?

- GV cho HS xem video: Đền chết vẫn hà tiện

<https://www.youtube.com/watch?v=k8u5ZsIfYrA>

- GV mời HS phát biểu ý kiến

**HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**I. TÌM HIỂU CHUNG**

**Mục tiêu:** Giúp HS

- Nhận biết thể loại, các yếu tố hình thức của văn bản

**Nội dung**

Hoạt động của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến				
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV giao nhiệm vụ ở tiết học trước phiếu học tập số 1</li> <li>- GV chia các nhóm học tập từ 4-6 HS/nhóm; HS chuẩn bị tìm hiểu thảo luận tại nhà.</li> </ul>	<p><b>1. Thể loại:</b> Truyện cười dân gian</p> <p><b>2. Ý nghĩa nhan đề:</b> “Thi nói khoác” là thi nói những điều không có thật trong cuộc sống</p> <p><b>3. Xuất xứ:</b> Tác phẩm in trong “Truyện cười dân gian Việt Nam”</p> <p><b>4. Nhân vật:</b> bốn viên quan và 1 tên lính hầu</p> <p><b>5. “Thi nói khoác” là một truyện cười ngắn gọn, cốt truyện đơn giản, ít nhân vật” vì:</b></p>				
<p><b>PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1</b></p> <p>Nhóm: .....</p> <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <th style="width: 50%;">Câu hỏi</th> <th style="width: 50%;">Câu trả lời</th> </tr> <tr> <td>1. Thể loại của</td> <td></td> </tr> </table>	Câu hỏi	Câu trả lời	1. Thể loại của		
Câu hỏi	Câu trả lời				
1. Thể loại của					

văn bản?		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dung lượng ngắn gọn</li> <li>- Cốt truyện đơn giản:</li> <li>+ Ít nhân vật: bốn viên quan và một tên lính hầu</li> <li>+ Sự việc đơn giản: bốn viên quan thi nhau nói những điều không có thật trong thực tế để xem ai nói giỏi hơn</li> <li>+ Mỗi viên quan nói một lượt lời và kết thúc bất ngờ ở lời tên lính hầu.</li> <li>→ “Thi nói khoác” là truyện cười dân gian mang những đặc điểm tiêu biểu của thể loại truyện cười.</li> </ul>
2. Ý nghĩa nhan đề của văn bản?		
3. Xuất xứ?		
4. Các nhân vật trong văn bản?		
5. Tại sao nói “Thi nói khoác là một truyện cười ngắn gọn, cốt truyện đơn giản, ít nhân vật”?		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV hướng dẫn HS cách đọc, đọc mẫu và mời HS đọc văn bản</li> <li>- GV yêu cầu HS giải nghĩa một số từ khó.</li> </ul> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nhận nhiệm vụ học tập và thực hiện tại nhà</li> <li>- HS báo cáo kết quả tại lớp</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV bốc thăm ngẫu nhiên nhóm học tập trình bày kết quả</li> <li>- Mời nhóm học tập khác nhận xét, bổ sung</li> </ul> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV chốt kiến thức</li> </ul>		

**II. TÌM HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN**

<p>a/ Mục tiêu: Nội dung cuộc thi nói khoác</p> <p>b/ Nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho HS xem video một truyện cười dân gian Việt Nam và phát vấn về video</li> </ul> <p>c/ Sản phẩm: Câu trả lời của HS về nguyên nhân gây cười</p> <p>d/ Tổ chức thực hiện</p>	
<b>Hoạt động của thầy và trò</b>	<b>Sản phẩm dự kiến</b>
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV chia nhóm, tổ chức thảo luận phiếu học tập số 2 (Các nhóm học tập như hoạt động PHT số 1)</li> </ul>	<p><b>1. Cuộc thi nói khoác giữa bốn viên quan</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn cảnh cuộc thi nói khoác:</li> <li>+ Bốn viên quan được nghỉ</li> <li>+ Bốn người rủ nhau đánh chén → Hoàn cảnh dễ khiến con người nói khoác</li> <li>- Lời thoại của bốn viên quan:</li> <li>+ Ông thứ nhất</li> <li>+ Ông thứ hai</li> <li>+ Ông thứ ba</li> <li>+ Ông thứ tư</li> <li>- Nội dung nói khoác của ông thứ hai có ý giễu cợt ông thứ nhất vì “một sợi dây thừng gấp mười cái cột đình làng này” chính là dùng để trói “con trâu liếm một cái hết cả sào</li> </ul>
<b>PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2</b>	
<b>Câu hỏi</b>	<b>Nội dung trả lời</b>
1. Em hãy chỉ ra hoàn cảnh và lời nói khoác của bốn viên quan trong cuộc thi nói khoác.	
2. Tại sao nội dung nói khoác	

<p>của ông quan thứ hai và thứ tư đều có ý “nói lỡm” ông quan thứ nhất và thứ ba?</p>		<p>mạ”.</p> <p>- Nội dung nói khoác của ông thứ tư có ý giễu cợt ông thứ ba vì cái cây cao “trúng chim ở ngọn cây rơi xuống nửa chừng, chim đã nở đủ lông đủ cánh bay đi rồi” chính là dùng để làm cây cầu mà “người ở hai đầu chẳng bao giờ trông thấy được nhau, hai cha con ở hai đầu chẳng bao giờ gặp được nhau”. → Viên quan nào cũng ra sức khoác lác để chứng tỏ mình giỏi hơn người kia.</p>
<p>3. Kết thúc truyện có gì bất ngờ? Đây là yếu tố gây cười trong tác phẩm?</p>		<p><b>2. Kết thúc truyện cười</b></p> <p>- Bốn viên quan đang sung sướng, sảng khoái, đắc chí vì sự khoác lác của mình thì bỗng có tiếng thét làm các quan giật bán người, “run cầm cập, nhìn xung quanh”</p> <p>- Bất ngờ hơn nữa tiếng thét “uy quyền” khiến bốn viên quan hoảng sợ là tên lính hầu nhỏ bé cũng đang nói khoác “chơi chơi” với các quan. → Đây chính là yếu tố gây cười bất ngờ của tác phẩm.</p>
<p>4. Theo em, ý nghĩa của câu chuyện này là gì?</p>		<p><b>3. Ý nghĩa truyện cười</b></p> <p>- Mang tiếng cười mua vui, giải trí</p> <p>- Phê phán, châm biếm thói khoác lác của con người (MĐ chính)</p> <p>- Bài học: Không nên nói những điều không có thật, quá sự thật trong cuộc sống.</p>

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận trực tiếp tại lớp
- GV quan sát, hướng dẫn nhóm học tập

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV mời đại diện nhóm bất kì trình bày
- Mời nhóm khác bổ sung, nhận xét

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV chốt kiến thức, nhấn mạnh đặc trưng thể loại của truyện cười.

**HOẠT ĐỘNG 3. VẬN DỤNG**

- a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức thực tế giải quyết vấn đề đời sống
- b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS làm tại nhà
- c) Sản phẩm: Những truyện cười HS đọc và sưu tầm được
- d) Tổ chức thực hiện:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV giao nhiệm vụ mỗi HS tìm đọc ít nhất 3 truyện cười dân gian và kể lại cho bạn cùng lớp
- GV giới thiệu link đọc tham khảo: <https://truyencuoihay.vn/truyen-cuoi-dan-gian>  
Hoặc: <https://www.youtube.com/watch?v=0QnQbCBFCn8>

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc, sưu tầm tại nhà

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS kể lại cho bạn cùng lớp nghe

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Mỗi HS nắm rõ về thể loại và đặc trưng truyện cười.

**HOẠT ĐỘNG 4. LUYỆN TẬP**

**(Vì đây là tiết thực hành đọc – hiểu nên phần luyện tập, GV giao nhiệm vụ cho HS hoàn thành phần “Tự đánh giá” của bài học**

- a) Mục tiêu: Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh qua một số bài tập cụ thể.
- b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ hoàn thành phần “Tự đánh giá” của bài 4.
- c) Sản phẩm: Đáp án đúng của các bài tập
- d) Tổ chức thực hiện: Học sinh làm ở nhà và báo cáo tiết học sau

Ngày soạn 15/11/2024	Tiết PPCT	Lớp 8C	Ngày dạy	Tiết
	52		05/12/2024	2
	53		09/12/2024	3
	54		11/12/2024	2

**BÀI 4 - TIẾT 52-53-54****VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CỦA ĐỜI SỐNG**

Thời lượng : 3 tiết

**I. MỤC TIÊU****1. Kiến thức**

- HS nắm được kỹ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống

**2. Năng lực****a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU****1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC****HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của thầy- trò	Sản phẩm dự kiến
<p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- GV yêu cầu HS chia sẻ những cảm xúc, suy nghĩ về một vấn đề đời sống hiện nay mà em quan tâm</p> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- HS suy nghĩ, chuẩn bị để chia sẻ trước lớp.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <p>- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- GV nhận xét, đánh giá kết quả</p>	<p>- Tạo tâm thế hứng thú, phấn khởi giúp HS vào bài mới.</p>

- GV dẫn vào bài học mới						
<b>HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI</b>						
<b>I/ Định hướng</b>						
<p><b>a. Mục tiêu:</b> Hiểu được một số điểm cần lưu ý về kiểu văn bản</p> <p><b>b. Nội dung:</b> HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về một số điểm cần lưu ý khi viết bài nghị luận về một vấn đề đời sống</p> <p><b>c. Sản phẩm học tập:</b> HS hiểu được một số điểm cần lưu ý khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống</p> <p><b>d. Tổ chức thực hiện:</b></p>						
<b>Hoạt động của thầy- trò</b>	<b>Sản phẩm dự kiến</b>					
<p><b>Bước 1: G/v chuyển giao n/v:</b></p> <p>- Chia sẻ nội dung tìm hiểu của mình về kiểu bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống.</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <p>+ H/s: làm việc nhóm đôi hoàn thành PHT số 1.</p> <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td>Dựa vào phần Định hướng (SGK/Tr 102-103), hãy cho biết:</td> </tr> <tr> <td>Thế nào là viết bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống của đời sống?</td> </tr> <tr> <td>Yêu cầu chung của kiểu bài này là gì.</td> </tr> <tr> <td>Để viết bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống, các em cần lưu ý gì?</td> </tr> <tr> <td>Nêu dàn ý chung của một bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống.</td> </tr> </table> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b></p> <p>+ Đại diện nhóm trình bày, HS nhóm khác nhận xét đánh giá.</p> <p>+ Giáo viên: Quan sát, theo dõi, điều hành quá trình học sinh thực hiện.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định:</b></p> <p>+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc nhóm của HS, chuẩn kiến thức, h/s điều chỉnh sản phẩm nếu cần.</p>	Dựa vào phần Định hướng (SGK/Tr 102-103), hãy cho biết:	Thế nào là viết bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống của đời sống?	Yêu cầu chung của kiểu bài này là gì.	Để viết bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống, các em cần lưu ý gì?	Nêu dàn ý chung của một bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống.	<p><b>1. ĐỊNH HƯỚNG</b></p> <p><b>1.1. Văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống</b> rất đa dạng và phong phú, có thể bàn luận về một hiện tượng có thật trong đời sống hằng ngày; có thể nêu lên suy nghĩ của người viết về một vấn đề xã hội đặt ra trong một hoặc một số tác phẩm văn học; có thể nêu suy nghĩ của mình về một tư tưởng, đạo lí,...; Bài này tập trung rèn luyện viết bài nghị luận về một hiện tượng trong đời sống. Yêu cầu chung của kiểu bài này là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cần nêu lên được hiện tượng đáng quan tâm trong đời sống.</li> <li>- Trình bày rõ vấn đề và nêu ý kiến (đồng tình hay phản đối) của người viết về hiện tượng đó.</li> <li>- Nêu được lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc đồng tình.</li> </ul> <p><b>1.2. Để viết bài văn nghị luận về một hiện tượng của đời sống, các em cần lưu ý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định hiện tượng của đời sống cần bàn luận. Hiện tượng của đời sống rất phong phú, cần lựa chọn vấn đề gần gũi với cuộc sống, có ý nghĩa thiết thực và sâu sắc,...</li> <li>- Trước khi viết cần tìm ý và lập dàn ý theo một trong các cách: đặt câu hỏi, suy luận hoặc so sánh.</li> <li>- Cần nêu được ý kiến (quan điểm) riêng của mình: khẳng định hay phủ định, đồng tình hay phản đối,...</li> <li>- Các lí lẽ và bằng chứng cần nêu cụ thể, phong phú và có sức thuyết phục.</li> </ul> <p><b>1.3. Luận đề và luận điểm trong văn nghị luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luận đề: là vấn đề chính được nêu ra</li> </ul>
Dựa vào phần Định hướng (SGK/Tr 102-103), hãy cho biết:						
Thế nào là viết bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống của đời sống?						
Yêu cầu chung của kiểu bài này là gì.						
Để viết bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống, các em cần lưu ý gì?						
Nêu dàn ý chung của một bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống.						

	<p>để bàn luận trong văn bản nghị luận.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luận điểm: là những ý kiến thể hiện quan điểm của người viết về luận đề. Trong văn bản nghị luận, luận đề được thể hiện bằng luận điểm và làm sáng tỏ bằng lí lẽ, dẫn chứng.</li> </ul> <p><b>1.4. Bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn nghị luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bằng chứng khách quan là những thông tin khách quan, có thể kiểm chứng được trong thực tế.</li> <li>- Ý kiến đánh giá chủ quan: là những nhận định, suy nghĩ, phán đoán theo góc nhìn chủ quan của người viết, thường ít có cơ sở kiểm chứng. Do vậy, để giảm tính chủ quan trong đánh giá, giúp ý kiến trở nên đáng tin cậy, người viết cần đưa ra được các bằng chứng khách quan.</li> <li>- Có thể phân biệt hai khái niệm này dựa vào bảng sau:</li> </ul> <table border="1" data-bbox="890 1025 1465 1753"> <thead> <tr> <th data-bbox="890 1025 1118 1115">Bằng chứng khách quan</th> <th data-bbox="1118 1025 1465 1115">Ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="890 1115 1118 1473">Là các thông tin khách quan như: số liệu, thời gian, nơi chốn, con người và sự kiện...</td> <td data-bbox="1118 1115 1465 1473">Là các ý kiến chủ quan như: quan điểm cá nhân về một vấn đề đang tranh cãi, dự đoán về tương lai, đánh giá chủ quan về sự việc, hiện tượng; có thể có được diễn đạt bằng các cụm từ như: tôi cho rằng, tôi thấy... hoặc các tính từ thể hiện sự đánh giá chủ quan.</td> </tr> <tr> <td data-bbox="890 1473 1118 1753">Dựa trên những thí nghiệm, nghiên cứu, có nguồn đáng tin cậy, có thể xác định đúng, sai dựa vào thực tế.</td> <td data-bbox="1118 1473 1465 1753">Dựa trên cảm nhận, cách nhìn, diễn giải của cá nhân; không có cơ sở để kiểm chứng.</td> </tr> </tbody> </table> <p><b>Dàn ý chung của bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* <b>Mở bài:</b> Nêu vấn đề cần bàn luận</li> <li>* <b>Thân bài:</b> Lần lượt trình bày ý kiến của em theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài. (Giải thích, biểu hiện, nguyên nhân, hậu quả (hoặc vai trò ý nghĩa), giải pháp)</li> <li>* <b>Kết bài:</b> Khẳng định lại ý kiến; rút ra</li> </ul>	Bằng chứng khách quan	Ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết	Là các thông tin khách quan như: số liệu, thời gian, nơi chốn, con người và sự kiện...	Là các ý kiến chủ quan như: quan điểm cá nhân về một vấn đề đang tranh cãi, dự đoán về tương lai, đánh giá chủ quan về sự việc, hiện tượng; có thể có được diễn đạt bằng các cụm từ như: tôi cho rằng, tôi thấy... hoặc các tính từ thể hiện sự đánh giá chủ quan.	Dựa trên những thí nghiệm, nghiên cứu, có nguồn đáng tin cậy, có thể xác định đúng, sai dựa vào thực tế.	Dựa trên cảm nhận, cách nhìn, diễn giải của cá nhân; không có cơ sở để kiểm chứng.
Bằng chứng khách quan	Ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết						
Là các thông tin khách quan như: số liệu, thời gian, nơi chốn, con người và sự kiện...	Là các ý kiến chủ quan như: quan điểm cá nhân về một vấn đề đang tranh cãi, dự đoán về tương lai, đánh giá chủ quan về sự việc, hiện tượng; có thể có được diễn đạt bằng các cụm từ như: tôi cho rằng, tôi thấy... hoặc các tính từ thể hiện sự đánh giá chủ quan.						
Dựa trên những thí nghiệm, nghiên cứu, có nguồn đáng tin cậy, có thể xác định đúng, sai dựa vào thực tế.	Dựa trên cảm nhận, cách nhìn, diễn giải của cá nhân; không có cơ sở để kiểm chứng.						



		giải pháp cho vấn đề.								
<b>HD 2: Thực hành</b>										
<p><b>a. Mục tiêu:</b> HS nắm vững được các bước viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.  <b>b. Nội dung:</b> HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến quy trình viết và viết được bài văn theo quy trình.  <b>c. Sản phẩm học tập:</b> Bài văn HS viết được.  <b>d. Tổ chức thực hiện:</b></p>										
<b>Hoạt động của thầy- trò</b>	<b>Sản phẩm dự kiến</b>									
<p><b>Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập 1:</b>                  - Yêu cầu HS đọc đề bài.                  - Nhắc lại các bước viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống                  - Bước chuẩn bị cần những gì?  <b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ 1:</b>                  - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.  <b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận 1:</b>                  - HS trình bày.                  - HS quan sát và tương tác.  <b>Bước 4: Kết luận, nhận định 1:</b>                  - GV nhận xét và bổ sung. (chiếu pp)</p>	<p><b>2. THỰC HÀNH</b>  <b>Đề bài: Suy nghĩ của em về hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích.</b>  <b>a. Các bước viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.</b>  <b>Bước 1: Chuẩn bị</b>                  - Đọc kỹ và tìm hiểu đề để biết các thông tin trước khi viết: nội dung chính, kiểu bài viết và phạm vi bằng chứng cần huy động.                  - Tìm hiểu nghĩa của các từ: háo danh, “bệnh” thành tích.                  - Đọc sách, báo và tìm những bằng chứng về hiện tượng háo danh, “bệnh” thành tích.                  - Ghi chép lại những thông tin liên quan đến các hiện tượng nêu ra trong đề, kể cả tranh, ảnh, bảng biểu, sơ đồ,...(nếu có).                  Xác định yêu cầu đề, xem lại định hướng viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống</p>									
<p><b>Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập 2:</b>                  - HS trình bày những nội dung đã chuẩn bị theo PHT 01. Lập dàn ý theo PHT 02.                  PHT 01:</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="background-color: #d9ead3;">Định hướng</th> <th style="background-color: #d9ead3;">Dự kiến</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="background-color: #fce4d6;">+ Thế nào là hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích?</td> <td>..... ..... .....</td> </tr> <tr> <td style="background-color: #fce4d6;">+ Các biểu hiện cụ thể của hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích là gì?</td> <td>..... ..... .....</td> </tr> <tr> <td style="background-color: #fce4d6;">+ Vì sao cần phê phán hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích?</td> <td>..... ..... .....</td> </tr> </tbody> </table>	Định hướng	Dự kiến	+ Thế nào là hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích?	..... ..... .....	+ Các biểu hiện cụ thể của hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích là gì?	..... ..... .....	+ Vì sao cần phê phán hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích?	..... ..... .....	<p><b>Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý</b>  <b>a. Tìm ý</b>                  - Tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi:                  + Thế nào là hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích?                  → Hiện tượng háo danh: là sự ham muốn, thèm khát một cái tên định vị cho mình, trong mối tương quan của cá nhân với cộng đồng.                  Bệnh “thành tích”: “bệnh” ở đây là thói xấu hoặc khuyết điểm về tư tưởng tạo nên những hành động đáng chê trách hoặc gây hại, “thành tích” là kết quả được đánh giá tốt do nỗ lực mà đạt được, “bệnh thành tích” là tư tưởng thích được khen ngợi, đánh giá cao nên tạo ra những thành tích không có thật hoặc chạy theo thành tích bên ngoài mà không chú trọng đến thực chất và các mặt lợi, hại của nó khi giá trị thực bên trong không được đảm bảo.                  + Các biểu hiện cụ thể của hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích là gì?                  → Vì thành tích, chạy theo thành tích mà bắt</p>	
Định hướng	Dự kiến									
+ Thế nào là hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích?	..... ..... .....									
+ Các biểu hiện cụ thể của hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích là gì?	..... ..... .....									
+ Vì sao cần phê phán hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích?	..... ..... .....									

+ Làm thế nào để khắc phục được hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích?	..... ..... ..... .....
---	----------------------------------

**PHT 02:**

**Tìm lí lẽ và bằng chứng cho bài văn nghị luận:**

STT	Lí lẽ	Bằng chứng
1	.....	.....
2	.....	.....
3	.....	.....
4		

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ 2:**

- Thảo luận nhóm bàn 7 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm.

GV theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận 2:**

- HS lên bảng trình bày.
- HS quan sát và nhận xét, tương tác

**Bước 4: Kết luận, nhận định 2:**

GV nhận xét và chuẩn hoá kiến thức. (chiếu pp)

chấp điều kiện và nhu cầu thực tế tạo ra những thành tích giả tạo cốt để tạo uy tín cá nhân, để che mắt dư luận hoặc để nhận sự khen thưởng của cấp trên...

+ Có những ví dụ nào tiêu biểu về hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích?

→ Thời phong kiến, ở làng xã phải nộp tiền để mua danh, nói hình tượng rằng “muốn đỗ môi thì phải tốn tiền”. Chẳng hạn như “kỳ mục” là danh vị mà làng nào cũng có,... + Hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích có liên quan với nhau như thế nào?

+ Vì sao cần phê phán hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích?

→ Rất nguy hại, dễ dàng làm tha hóa một bộ phận trong xã hội, vì vậy, nhận diện đúng căn bệnh để phòng ngừa, chữa trị, không để lây lan,...

+ Làm thế nào để khắc phục được hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích?

→ - Đối với người quản lí và chính sách quản lí:

+ Cần xem xét một cách toàn diện mối quan hệ giữa thành tích đạt được với cách thức và quá trình đạt được nó để xác định chính xác thực chất giá trị của thành tích.

+ Cần đặt ra những mục tiêu có tính thực tế, những kế hoạch cụ thể để tạo cơ sở thực tế cho những thành tích sau này.

+ Cần quản lí chặt chẽ và điều tra nghiêm túc để loại bỏ những thành tích ảo.

- Đối với mỗi cá nhân:

+ Cần nâng cao hiểu biết để nhận rõ cái lợi, cái hại, điều cần thiết và những gì không thực sự cần cho sự phát triển chung.

**b. Lập dàn ý**

- Mở bài: Nêu vấn đề cần bàn luận.

- Thân bài: Lần lượt trình bày ý kiến theo một trình tự: (Giải thích, biểu hiện, vì sao lại như thế, giải pháp) để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài.

- Kết bài: khái quát lại vấn đề; nêu bài học cho thế hệ trẻ ngày nay.

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập 3:**

1. Dựa theo dàn ý viết bài.
2. Sửa lại bài sau khi đã viết xong.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ 3:**

- Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ,

**Bước 3. Viết bài**

Dựa vào dàn ý để viết bài văn nghị luận về một hiện tượng của đời sống; trong khi viết, chú ý vận dụng cách huy động bằng chứng, trình bày và phân tích bằng chứng.

<p>viết.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận 3:</b> - HS trình bày.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định 3:</b> GV nhận xét và bổ sung kiến thức. (nếu cần)</p>	<p>Khi viết, luôn luôn chú ý nhiệm vụ của từng phần trong bài viết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Mở bài:</b> Viết thành một đoạn văn, giới thiệu trực tiếp hoặc gián tiếp vấn đề nghị luận. Tìm hiểu cách mở bài của các văn bản đọc và của bài viết tham khảo để vận dụng.</li> <li>- <b>Thân bài:</b> Triển khai các ý đã nêu ở dàn ý. Mỗi ý lớn viết thành một đoạn văn. Cần luôn luôn quan tâm vị trí của câu chủ đề (đầu đoạn, cuối đoạn,...), sự phù hợp của câu chủ đề với nội dung cần trình bày và mục đích nghị luận. Tham khảo các kiểu đoạn văn đã phân tích ở văn bản đọc và ở phần Thực hành tiếng Việt để học tập cách viết. Chú ý dùng phương tiện liên kết giữa các câu trong đoạn và các đoạn trong bài.</li> <li>- <b>Kết bài:</b> Nêu ý nghĩa của vấn đề và phương hướng hành động (viết trong một đoạn văn).</li> </ul>
<p><b>Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập 4:</b> - Kiểm tra và sửa lại bài.</p> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ 4:</b> - Học sinh làm việc cá nhân, tìm và sửa lỗi.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận 4:</b> - HS trình bày các lỗi đã sửa. - HS quan sát và nhận xét.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định 4:</b> GV nhận xét và bổ sung. (nếu cần).</p>	<p><b>Bước 4: Kiểm tra, chỉnh sửa</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 1, phần Viết, mục d (trang 32) và đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.</li> <li>Đọc kĩ bài viết, căn cứ vào yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập, rà soát các phần, các ý đã triển khai để có cách chỉnh sửa</li> <li>- Nếu thấy luận điểm ở từng đoạn văn chưa rõ ràng, lí lẽ chưa xác đáng, bằng chứng chưa đầy đủ thì cần bổ sung, chỉnh sửa</li> </ul>

**PHIẾU HƯỚNG DẪN CHỈNH SỬA BÀI VIẾT**

➤ Nhiệm vụ: Em hãy rà soát lại bài viết theo những nội dung ở cột trái và gợi ý chỉnh sửa ở cột phải

Phương diện kiểm tra	Câu hỏi kiểm tra
Nội dung	<p>Mở bài: Đã giới thiệu khái quát vấn đề cần bàn luận chưa?</p> <p>Thân bài: Có giải thích, chứng minh, bình luận để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dẫn chứng có rõ ràng, giàu sức thuyết phục không?</li> <li>- Đã kết hợp được các phương thức biểu đạt khác trong khi viết hay chưa?</li> <li>- Có nêu được những suy nghĩ và cảm xúc sâu sắc không?</li> </ul> <p>Kết bài: Đã khẳng định ý nghĩa của vấn đề cần bàn luận chưa?</p> <p>Nêu bài học cho thế hệ trẻ ngày nay chưa?</p>
Hình thức	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài viết đã có đủ ba phần chưa?</li> <li>- Bài viết đã đủ ý chưa? Các ý có phù hợp với vấn đề nghị luận và luận điểm không? Có những ý nào trùng lặp nhau không?</li> <li>- Bài viết có mắc lỗi dùng từ, đặt câu, chính tả,... không?</li> </ul>
Đánh giá chung	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài viết đáp ứng yêu cầu cần đạt mức độ nào?</li> <li>- Em thấy hứng thú hoặc khó khăn nhất khi thực hiện phần nào</li> </ul>

trong tiến trình thực hành viết?	
<b>HD3. LUYỆN TẬP</b>	
<p><b>a. Mục tiêu:</b> Củng cố lại kiến thức đã học về việc viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.</p> <p><b>b. Nội dung:</b> Sử dụng SGK, kiến thức đã học để trả lời câu hỏi liên quan.</p> <p><b>c. Sản phẩm học tập:</b> Câu trả lời của HS.</p> <p><b>d. Tổ chức thực hiện</b></p>	
Hoạt động của thầy- trò	Sản phẩm dự kiến
<p><b>Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết hai loại bằng chứng trong hai đoạn văn trong SGK.</li> <li>- Tìm thêm một bằng chứng từ thực tế đời sống và một bằng chứng trong thơ văn cho đề bài ở mục 2.1. Thực hành viết theo các bước.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh làm việc cá nhân, trả lời.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trình bày.</li> <li>- HS quan sát, tương tác.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định:</b> GV nhận xét và bổ sung. (nếu cần).</p>	<p>Bài tập</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết hai loại bằng chứng trong hai đoạn văn sau:</li> <li>+ Đoạn 1: “Trên lĩnh vực kinh tế, thời gian có những vụ án thất thoát hàng ngàn tỉ đồng sau khi bị phanh phui đều thấy có bóng dáng của “bệnh” thành tích, háo danh. Biểu hiện thường thấy của “bệnh” này là đẩy nhanh tiến độ dự án, công trình để chào mừng một sự kiện nào đó. Do đó, người ta sẵn sàng bỏ bớt công đoạn trong quy trình từ chi tiền, thi công đến nghiệm thu,...miễn sao có thành tích kịp và vượt thời gian phục vụ cho “cắt băng khánh thành”. Và hậu quả của việc chạy theo thành tích bằng mọi giá là công trình, dự án nhanh chóng xuống cấp, không đảm bảo chất lượng. (tuyengiao.vn, 24-09-2019).</li> <li>+ Đoạn 2: “Háo danh là “căn bệnh” được nhà viết kịch Mô-li-e thể hiện rất sinh động và hài hước trong vở hài kịch Trưởng giả học làm sang. Ở văn bản Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục, chỉ vì được đám phỏ may, thợ phụ gọi là “ông lớn”, “cụ lớn”, “đức ông”,...mà ông đã sung sướng, hả hê: “Cụ lớn, ô, ô, cụ lớn! Chú mày thông thả tí đã. Cái tiếng “cụ lớn” đáng thương lắm. “Cụ lớn” không phải là một tiếng tầm thường đâu nhé. Này, cụ lớn thưởng cho các chú đây”. Kết quả là ông đã mất rất nhiều tiền thưởng vì cái “bệnh” háo danh ấy.”.</li> <li>- Tìm thêm một bằng chứng từ thực tế đời sống và một bằng chứng trong thơ văn cho đề bài ở mục 2.1. Thực hành viết theo các bước.</li> </ul> <p><b>Trả lời:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bằng chứng đoạn 1: Người ta sẵn sàng bỏ bớt công đoạn trong quy trình từ chi tiền, thi công đến nghiệm thu,...miễn sao có thành tích kịp và vượt thời gian phục vụ cho “cắt băng khánh thành”.</li> </ul>

	<p>- Bằng chứng đoạn 2: Ở văn bản Ông Giuốc-đanh ...mà ông đã sung sướng, hả hê: “Cụ lớn, ồ, ồ, cụ lớn! Chú mày thông thả tí đã. Cái tiếng “cụ lớn” đáng thương lắm. “Cụ lớn” không phải là một tiếng tầm thường đâu nhé. Này, cụ lớn thưởng cho các chú đây”.</p> <p>- Bằng chứng từ thực tế đời sống: Phụ huynh muốn con em mình điểm cao mà sẵn sàng đưa tiền bồi dưỡng các thầy cô, thầy cô vì muốn học trò được điểm cao lấy thành tích cho trường mà mua chuộc giám thị. Chúng ta biết rằng kết quả thi cử của học sinh sẽ là một trong những tiêu chí đánh giá chất lượng giảng dạy của giáo viên và nhà trường. Từ đó nếu có một kết quả thi tốt của học sinh, thầy cô sẽ được khen thưởng, nâng lương. Và những phụ huynh học sinh cũng có được một bảng điểm đẹp cho con em mình. Ai cũng được lợi. Bên cạnh những phụ huynh thực sự muốn con em mình đi lên bằng chính sức lực của chúng không ít những phụ huynh vẫn đang tìm mọi cách giúp con có một bảng điểm đẹp, với hy vọng con có một tương lai tươi sáng sau này. Điều đó từ sâu xa đều xuất phát từ lòng thương con của cha mẹ. Ai mà không muốn con mình có một tương lai tốt đẹp hơn. Cứ tới mỗi kỳ thi, chúng ta lại bắt gặp những cuộc trò chuyện như “Đã lo chỗ nào chưa?”, “Đã đi thầy/cô này chưa?”. Chính tình thương quá đáng của bậc cha mẹ đã vô tình trở thành công cụ cho bệnh thành tích ngày càng lây lan rộng hơn.</p> <p>- Bằng chứng từ thơ văn: Người xưa có câu “Tốt gỗ hơn tốt nước sơn” đã cho thấy rõ một điều rằng con người ta quan trọng chất lượng chứ không thể lấy cái bề ngoài, cái số lượng để đánh giá giá trị của một vấn đề. Căn bệnh thành tích ngày nay đã đảo lộn mọi giá trị tốt đẹp ấy, đã phá vỡ đi những truyền thống văn hóa của dân tộc. Căn bệnh ấy sẽ khiến những cá nhân tự mãn về bản thân, cho mình luôn giỏi giang nhưng thực chất là không phải. Và ảo tưởng thì thường sẽ không có thật, không thể tồn tại lâu dài.</p>
<b>HD4. VẬN DỤNG</b>	
<p><b>a. Mục tiêu:</b> Vận dụng được kiến thức đã học để Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.</p> <p><b>b. Nội dung:</b> HS sử dụng kiến thức đã học để Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.</p>	

<p><b>c. Sản phẩm học tập:</b> Bài văn mà HS viết được.</p> <p><b>d. Tổ chức thực hiện:</b></p>	
Hoạt động của thầy- trò	Sản phẩm dự kiến
<p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b> - GV yêu cầu HS về nhà viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.</p> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b> - HS lắng nghe yêu cầu của GV, về nhà thực hiện.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b> - GV nhắc HS sẽ thu bài và chữa bài vào tiết sau.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</b> - GV nhận xét việc học tập của cả lớp trong tiết học - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).</p>	<p>Bài tập: Dựa vào mục Tìm ý và lập dàn ý cho <i>Suy nghĩ của em về hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích.</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Hãy lập sơ đồ quan hệ giữa các đoạn văn trong phần thân bài.</li> <li>Viết bài văn nghị luận hoàn chỉnh.</li> </ol>

**\* Hướng dẫn tự học ở nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Đọc lại yêu cầu và quy trình viết đối với Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.

**\* Bài viết tham khảo**

Trong thực tế, ai cũng thích, cũng mong muốn được khen ngợi, được ghi nhận, được thành danh. Có người vì thế mà nỗ lực phấn đấu để biến đổi về chất. Song đáng buồn lại có những người muốn rút ngắn con đường bước đến vinh quang mà tin xỏ ở thì, không chăm lo cho thực tế chỉ cố tô vẽ bề ngoài để được khen được thưởng. Đáng buồn hơn, chúng ngày càng phổ biến và trở thành một hiện tượng “háo danh” và mắc bệnh thành tích

Thực chất, thành tích là kết quả được đánh giá tốt do nỗ lực mà đạt được. Như vậy, thành tích là nhóm để biểu dương, nêu gương những kết quả thực tế tốt đẹp. Điều đó động viên cố gắng của người được nêu gương, thúc đẩy họ tiếp tục cố gắng. Mặt khác thành tích của người này còn là “cú hích” cho người khác cùng “chạy đua” để tiếp tục đi lên. Rõ ràng, thành tích là điều tốt đẹp và nó cũng mang lại những điều tương tự cho cuộc sống.

Tuy nhiên, khi đặt trước từ “thành tích” một chữ “bệnh” – bệnh thành tích thì vấn đề đã khác. Bởi từ “bệnh” không gọi đến điều gì tốt đẹp. “Bệnh thành tích” là thói a dua, là chỉ chăm lo đến vẻ bề ngoài nhằm được tuyên dương khen thưởng nhưng thực chất bên trong vẫn đề không đạt mong muốn. Nói khác đi, bệnh thành tích là tên gọi của sự không phù hợp giữa hình thức và bản chất: hình thức rất hào nhoáng, sáng bóng, lẫy lừng nhưng bản chất thì xuống cấp, gỉ sét, cong vênh.

Bệnh thành tích đã tồn tại từ lâu trong đời sống xã hội, đục sâu lan rộng vào nhiều ngành nghề, lĩnh vực. Trong giáo dục, bệnh thành tích còn được gọi là bệnh hình thức. Có những trường vì thành tích mà luôn cố gắng tập trung luyện “gà” – luyện học sinh giỏi, tạo mọi điều kiện để các em có thời gian tập trung học môn mình thi nhằm đạt kết quả cao mang vinh dự cho trường. Hay trong mỗi kỳ thi tốt nghiệp, có những trường huy động giáo viên cùng làm với học sinh rồi ném bài cho các em. Trong các cơ quan, công ty, nhà máy, bệnh thành tích nằm ở những bản báo cáo được mài cho nhẵn viết cho đẹp. Trong

thực tế người ta không màng đến chất lượng, chỉ chạy theo số lượng để đạt chỉ tiêu. Họ chỉ sung sướng khi nghe đến những con số 100%, 99%. Trong kỳ thi tốt nghiệp THPT những năm trước, trường nào chỉ đạt 95%, 96% là đã lo lắng căng thẳng rồi. Nhưng một hai năm trở lại đây khi công tác kiểm tra, giám sát được thắt chặt hơn, trung bình cả nước chỉ đỗ khoảng 60% – 70%.

Rõ ràng kết quả xa nhau, nó phản ánh thực tế chất lượng giáo dục trong một thời gian dài bị o bế, làm nhiều. Rõ ràng, bệnh thành tích sẽ để lại hậu quả vô cùng tai hại. Trước hết, nó khiến mỗi cá nhân tổ chức không hiểu rõ về thực lực của mình, tự mãn về thành tích, không có xu hướng vận động phát triển. Bệnh thành tích do đó tiếp tục “được” duy trì, phát triển. Dần dần nó sẽ ăn sâu, đeo bám vào tư tưởng, lối sống cách thức làm việc của xã hội, làm cho chất lượng thực bị bỏ bê, xuống dốc, chỉ có cái vẻ bề ngoài là hào nhoáng, đẹp đẽ. Nó thực chẳng khác nào một trái bí đỏ bị thối rữa bên trong. Dân gian ta nhắc nhở nhau tốt gỗ hơn tốt nước sơn vì sơn có thể tróc nhưng gỗ không được phép mục, gỗ mục sẽ làm sụp đổ cả một hệ thống quan trọng. Nhưng bệnh thành tích đã làm đảo lộn truyền thống đạo lý ấy và mỗi hệ thống xã hội đang có nguy cơ lung lay, suy sụp vì chất gỗ bên trong đang mục mỗi một dân.

Bệnh thành tích gây hại cho mọi ngành nghề, lĩnh vực. Và hậu quả dễ thấy nhất, tai hại nhất thể hiện ở ngành giáo dục. Có những trường lớp, vì thành tích mà cho học sinh lên lớp hàng loạt, bất chấp kết quả thực tế. Hậu quả là hàng trăm học sinh ngồi nhầm lớp, nhầm trường. Có em đã học lớp 7 mà chưa đọc thông viết thạo! Cũng vì thành tích mà các thầy cô “cây đũa” cho học sinh giỏi ở những môn các em không thi học sinh giỏi, giúp các em tập trung ôn luyện cho thi cử. Và hàng trăm học sinh sa vào tình cảnh đạt giải học sinh giỏi quốc gia nhưng trượt tốt nghiệp, trượt đại học. Hậu quả trực tiếp học sinh là người gánh chịu. Nhưng hậu quả lâu dài là tương lai đất nước phải chấp nhận sự thui chột về đạo đức, tài năng của nhiều thế hệ.

Bệnh thành tích có căn nguyên sâu xa từ một thói xấu của con người: thói ghen ăn tức ở, “con gà tức nhau tiếng gáy”. Thấy cá nhân, đơn vị khác được nêu gương, cá nhân đơn vị mình cũng muốn được như vậy. Song, thay vì tập trung nâng cao chất lượng họ lại đốt cháy giai đoạn, đánh bóng hình thức để được tuyên dương. Nhưng công bằng mà đánh giá, bệnh cũng có nguyên nhân từ những sai lầm trong công tác quản lý tổ chức của nhiều cấp, ngành: trọng giấy tờ, hình thức, không gần gũi sâu sát thực tế và chỉ tiêu hoá, kế hoạch hóa cao độ mọi vấn đề thi đua. Bởi vậy, các tổ chức, cá nhân chỉ cốt lo sao cho bản báo cáo, cuốn sổ của mình được sạch sẽ đẹp đẽ. Rồi lo sao để chỉ tiêu kế hoạch trên giao ta “trăm phần trăm” hoàn thành.

Rõ ràng, để xảy ra căn bệnh ấy lỗi thuộc về tất cả chúng ta. Nhận rõ hậu quả của bệnh thành tích, xã hội cần đẩy mạnh công cuộc loại trừ nó. Các nhà lãnh đạo cần kiểm tra, giám sát sát sao hơn hoạt động của các tổ chức cá nhân trực thuộc, đồng thời điều chỉnh hệ thống, cơ chế quản lý tổ chức. Các cơ quan đoàn thể vì tương lai bản thân xóa bỏ bệnh hình thức để đi vào chất lượng thực tế. Chỉ khi nào làm được điều đó, xã hội ta mới thực sự trong sạch và đi lên.

Ngày soạn 15/11/2024	Tiết PPCT 55	Lớp 8C	Ngày dạy 16/12/2024	Tiết 3
-------------------------	--------------------	-----------	------------------------	-----------

**TIẾT 55 : NÓI VÀ NGHE****THẢO LUẬN Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG TRONG ĐỜI SỐNG**

Thời lượng : 1 tiết

**I. MỤC TIÊU****1. Mức độ/yêu cầu cần đạt**

- Biết thảo luận ý kiến về một hiện tượng trong đời sống phù hợp với lứa tuổi

**2. Năng lực****- Năng lực chung**

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực trình bày

**- Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, đưa ra ý kiến của về vấn đề

- Năng lực tiếp thu tri thức, kỹ năng của kiểu bài và hoàn thành các yêu cầu của bài tập

**3. Phẩm chất**

Biết lắng nghe, thể hiện sự tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá về một hiện tượng trong đời sống phù hợp với lứa tuổi

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU****1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC****HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG****a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học.**b. Nội dung:** GV đặt những câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS chia sẻ.**c. Sản phẩm:** HS hoàn thành bài tập theo yêu cầu của GV.**d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của thầy- trò	Sản phẩm dự kiến
<b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b> - GV yêu cầu HS chuẩn bị cho bài nói trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống <b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b> - HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập để trình bày trước lớp. <b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b> - GV mời 2 – 3 HS chia sẻ. <b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b> - GV nhận xét, khen ngợi các HS đã chia sẻ.	- Tạo tâm thế hứng thú, phấn khởi giúp HS vào bài mới.



**HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Định hướng**

- a. **Mục tiêu:** HS nắm được cách xây dựng bài thảo luận đạt yêu cầu.
- b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, kết hợp hướng dẫn của GV để chuẩn bị bài thảo luận.
- c. **Sản phẩm học tập:** Bài thảo luận đã được chuẩn bị trước ở nhà.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của thầy- trò	Sản phẩm dự kiến
<p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- GV yêu cầu HS đọc SGK và trả lời các câu hỏi sau:</p> <p>+ <i>Thế nào là thảo luận về một hiện tượng trong đời sống?</i></p> <p>+ <i>Ta cần lưu ý những nội dung gì trong quá trình thảo luận về một hiện tượng trong đời sống?</i></p> <p>- GV dành khoảng 5 phút cho HS tự soát lại nội dung bài nói đã chuẩn bị ở nhà (dựa trên hướng dẫn của SHS và những nhiệm vụ được GV giao thực hiện trước đó).</p>	<p><b>1. Thế nào là thảo luận về một hiện tượng trong đời sống?</b></p> <p>- Về nội dung, thảo luận ý kiến về một hiện tượng trong đời sống cũng giống như viết bài nghị luận về một hiện tượng của đời sống, chỉ khác ở cách thực hiện. Viết là làm bài văn bằng ngôn ngữ viết. Còn thảo luận là trao đổi bằng lời nói, thực hiện trong nhóm hoặc cả lớp.</p> <p><b>2. Lưu ý</b></p> <p>Để thảo luận ý kiến về một hiện tượng trong đời sống, các em cần chú ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được hiện tượng cần thảo luận phù hợp với lứa tuổi.</li> <li>- Nêu rõ ý kiến (quan điểm) của người nói: đồng tình hay phản đối với vấn đề đã nêu.</li> <li>- Phân tích và chứng minh ý kiến của mình bằng các lí lẽ và bằng chứng tin cậy, cụ thể, giàu sức thuyết phục.</li> <li>- Trong khi trình bày có thể sử dụng công nghệ thông tin để tăng hiệu quả</li> </ul>

**Hoạt động 2. Thực hành nói và nghe**

+ **Đề bài:** *Thảo luận về hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích trong đời sống*

**TRƯỚC KHI NÓI**

- a. **Mục tiêu: GQVD:** HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài nói, có kĩ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.
- b. **Nội dung:** HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.
- c. **Sản phẩm:** Sản phẩm bài viết, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**  
Vấn đề thảo luận, trao đổi về vấn đề:

*Đề bài: Thảo luận về hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích trong đời sống*

<p><b>Bước 1: GV giao nhiệm vụ:</b></p> <p><b>?Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài nói nhằm mục đích gì?</li> <li>- Người nghe là ai?</li> <li>- Em chọn không gian nào để thực</li> </ul>	<p><b>I. Trước khi nói</b></p> <p><b>1. Chuẩn bị nội dung nói</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói.</li> <li>+ Vấn đề cần thảo luận, trao đổi:</li> </ul> <p><i>Thảo luận về hiện tượng háo danh và “bệnh”</i></p>
---	---

<p>hiện bài nói (trình bày)?</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút?</li> </ul> <p><b>? Hãy tìm ý và lập dàn ý cho bài nói của mình?</b></p> <p>Tìm ý cho bài nói bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Em hiểu thế nào <i>hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích trong đời sống?</i></li> <li>- Biểu hiện ?</li> <li>- Tác hại của hiện tượng đó?</li> <li>- Chúng ta nên làm gì để khắc phục những hiện tượng đó ?</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tổ chức chia sẻ cặp đôi trả lời các câu hỏi</li> <li>+ HS trình bày sản phẩm trước nhóm, các em khác nghe, góp ý bằng phiếu học tập.</li> <li>+ GV quan sát, khuyến khích</li> </ul>	<p><i>thành tích trong đời sống</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người nghe: các bạn trong lớp, cô/thầy giáo.</li> <li>+ Không gian: lớp học</li> <li>+ Thời gian: trao đổi, thảo luận trong vòng 5p.</li> <li>- Bổ sung các từ, câu dẫn dắt, chào hỏi, kết nối các phần.</li> <li>- Xác định giọng kể, ngữ điệu, điệu bộ, nét mặt,... cho phù hợp với phần trao đổi.</li> <li>- Bổ sung tranh ảnh, video,.. (nếu cần).</li> </ul> <p><b>2. Tìm ý, lập dàn ý</b></p> <p><b>2.1. Tìm ý:</b></p> <p><b>2.2.Lập dàn ý:</b></p> <table border="1" data-bbox="794 752 1535 1496"> <tr> <td>Mở đầu</td> <td>- Nêu vấn đề và ý kiến chung của em về vấn đề thảo luận: <i>Thảo luận về hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích trong đời sống</i></td> </tr> <tr> <td>Nội dung chính</td> <td>- Giải thích, chứng minh, bình luận để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài - Dẫn chứng có rõ ràng, giàu sức thuyết phục. - Kết hợp được các phương thức biểu đạt khác trong khi viết. - Nêu được những suy nghĩ và cảm xúc sâu sắc.</td> </tr> <tr> <td>Kết thúc</td> <td>Khẳng định ý nghĩa của vấn đề cần bàn luận chưa? Nêu bài học cho thế hệ trẻ ngày nay chưa? - Liên hệ: Là học sinh, chúng ta cố gắng nỗ lực, phấn đấu để góp phần xây dựng quê hương trong tương lai.</td> </tr> </table> <p><b>3. Tự luyện tập và trình bày</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Để trình bày tốt, em hãy luyện tập trước (trình bày một mình hoặc trước bạn bè, người thân)</li> <li>+ Cách nói: tự nhiên, gần gũi, chia sẻ, giải bày.</li> </ul> <p><b>4.Kiểm tra, chỉnh sửa.</b></p> <p><b>* Bảng tự kiểm tra bài nói:</b></p> <table border="1" data-bbox="794 1845 1445 2074"> <thead> <tr> <th>Nội dung kiểm tra</th> <th>Đạt/chưa đạt</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>- Bài nói có đủ các phần mở đầu, nội dung chính và kết thúc.</td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	Mở đầu	- Nêu vấn đề và ý kiến chung của em về vấn đề thảo luận: <i>Thảo luận về hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích trong đời sống</i>	Nội dung chính	- Giải thích, chứng minh, bình luận để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài - Dẫn chứng có rõ ràng, giàu sức thuyết phục. - Kết hợp được các phương thức biểu đạt khác trong khi viết. - Nêu được những suy nghĩ và cảm xúc sâu sắc.	Kết thúc	Khẳng định ý nghĩa của vấn đề cần bàn luận chưa? Nêu bài học cho thế hệ trẻ ngày nay chưa? - Liên hệ: Là học sinh, chúng ta cố gắng nỗ lực, phấn đấu để góp phần xây dựng quê hương trong tương lai.	Nội dung kiểm tra	Đạt/chưa đạt	- Bài nói có đủ các phần mở đầu, nội dung chính và kết thúc.	
Mở đầu	- Nêu vấn đề và ý kiến chung của em về vấn đề thảo luận: <i>Thảo luận về hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích trong đời sống</i>										
Nội dung chính	- Giải thích, chứng minh, bình luận để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài - Dẫn chứng có rõ ràng, giàu sức thuyết phục. - Kết hợp được các phương thức biểu đạt khác trong khi viết. - Nêu được những suy nghĩ và cảm xúc sâu sắc.										
Kết thúc	Khẳng định ý nghĩa của vấn đề cần bàn luận chưa? Nêu bài học cho thế hệ trẻ ngày nay chưa? - Liên hệ: Là học sinh, chúng ta cố gắng nỗ lực, phấn đấu để góp phần xây dựng quê hương trong tương lai.										
Nội dung kiểm tra	Đạt/chưa đạt										
- Bài nói có đủ các phần mở đầu, nội dung chính và kết thúc.											

<p><b>Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận</b></p>	<p>- Giới thiệu được vấn đề cần thảo luận: <i>Về hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích trong đời sống</i></p>	
<p><b>Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.</b> Em hãy tự tập luyện bằng cách:</p>	<p>- Em đã nêu và phân tích các ý kiến khác nhau, từ đó, phát biểu ý kiến của mình.</p>	
<p>- Đứng trước gương để tập trình bày bài nói. - Tự điều chỉnh giọng điệu, ngữ điệu, nét mặt... cho phù hợp để tạo sức hấp dẫn cho bài nói.</p>	<p>- Em đã dùng ngôi thứ nhất để trình bày vấn đề.</p>	
<p>- Em có thể rủ nhóm cùng tập luyện hoặc nhờ bố mẹ quay lại video bài tập luyện của mình để xem lại, tự điều chỉnh hoặc gửi video cho các bạn trong nhóm để cùng góp ý cho nhau.</p>	<p>- Em đã sử dụng giọng điệu, âm lượng, các phương tiện phi ngôn ngữ (cử chỉ, ánh mắt, nét mặt) hài hoà khi trình bày.</p>	

**THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE**

- a. **Mục tiêu: GQVĐ:** Biết cách, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.
- b. **Nội dung:** HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.
- c. **Sản phẩm:** Phần trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện.**

<p><b>Bước 1: GV giao nhiệm vụ:</b> Gọi một số HS trình bày bài nói trước lớp. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn -HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công</b></p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <p><b>Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.</b></p> <p>Lưu ý: - GV có thể cho HS hoạt động theo cặp đôi, cùng xây dựng bài nói và cùng lên trình bày trước lớp (HS tự phân công các phần trong bài nói của cả 2)</p>	<p><b>II. Thực hành nói và nghe</b> Hoạt động nói và nghe cần đảm bảo được các yêu cầu sau:</p> <table border="1" data-bbox="662 1272 1460 2123"> <thead> <tr> <th data-bbox="662 1272 1061 1317">Người nói</th> <th data-bbox="1061 1272 1460 1317">Người nghe</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="662 1317 1061 2123"> <p><b>- Nội dung trình bày:</b> + Vấn đề trình bày được nêu rõ ràng, cụ thể. + Nội dung phong phú, có trọng tâm, được trình bày lô gích; lí lẽ và bằng chứng làm nổi bật được vấn đề. + Nội dung giải đáp thắc mắc cụ thể, ngắn gọn, thoả đáng.</p> <p><b>- Hình thức trình bày:</b> + Bài trình bày có bố cục rõ ràng. + Các nội dung minh hoạ có chất lượng. + Sử dụng công cụ, thiết bị hỗ trợ phù hợp. + Có sự sáng tạo, tạo</p> </td> <td data-bbox="1061 1317 1460 2123"> <p>- Lắng nghe, xác định và ghi lại các thông tin chính của bài trình bày những nội dung cần hỏi lại. - Thể hiện thái độ chú ý lắng nghe; sử dụng các yếu tố cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói. - Hỏi lại những điểm chưa rõ (nếu cần); có thể trao đổi thêm quan điểm cá nhân về nội dung của bài trình bày. - Điều em học được từ bài trình bày của bạn là gì?</p> </td> </tr> </tbody> </table>	Người nói	Người nghe	<p><b>- Nội dung trình bày:</b> + Vấn đề trình bày được nêu rõ ràng, cụ thể. + Nội dung phong phú, có trọng tâm, được trình bày lô gích; lí lẽ và bằng chứng làm nổi bật được vấn đề. + Nội dung giải đáp thắc mắc cụ thể, ngắn gọn, thoả đáng.</p> <p><b>- Hình thức trình bày:</b> + Bài trình bày có bố cục rõ ràng. + Các nội dung minh hoạ có chất lượng. + Sử dụng công cụ, thiết bị hỗ trợ phù hợp. + Có sự sáng tạo, tạo</p>	<p>- Lắng nghe, xác định và ghi lại các thông tin chính của bài trình bày những nội dung cần hỏi lại. - Thể hiện thái độ chú ý lắng nghe; sử dụng các yếu tố cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói. - Hỏi lại những điểm chưa rõ (nếu cần); có thể trao đổi thêm quan điểm cá nhân về nội dung của bài trình bày. - Điều em học được từ bài trình bày của bạn là gì?</p>
Người nói	Người nghe				
<p><b>- Nội dung trình bày:</b> + Vấn đề trình bày được nêu rõ ràng, cụ thể. + Nội dung phong phú, có trọng tâm, được trình bày lô gích; lí lẽ và bằng chứng làm nổi bật được vấn đề. + Nội dung giải đáp thắc mắc cụ thể, ngắn gọn, thoả đáng.</p> <p><b>- Hình thức trình bày:</b> + Bài trình bày có bố cục rõ ràng. + Các nội dung minh hoạ có chất lượng. + Sử dụng công cụ, thiết bị hỗ trợ phù hợp. + Có sự sáng tạo, tạo</p>	<p>- Lắng nghe, xác định và ghi lại các thông tin chính của bài trình bày những nội dung cần hỏi lại. - Thể hiện thái độ chú ý lắng nghe; sử dụng các yếu tố cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói. - Hỏi lại những điểm chưa rõ (nếu cần); có thể trao đổi thêm quan điểm cá nhân về nội dung của bài trình bày. - Điều em học được từ bài trình bày của bạn là gì?</p>				

	<p>được điểm nhân cho nội dung trình bày.</p> <p><b>-Tác phong, thái độ trình bày:</b></p> <p>+ Phong thái tự tin, tôn trọng người nghe, sử dụng ngôn ngữ cơ thể sinh động, phù hợp.</p> <p>+ Nói trôi chảy, mạch lạc, không bị ngắt quãng, hoặc không có những từ ngữ chêm xen (à, ờ, thì, mà, là,...).</p> <p>+ Tốc độ nói vừa phải, có nhấn giọng ở những nội dung quan trọng.</p> <p>+ Bảo đảm yêu cầu về thời gian trình bày.</p>	
--	--	--

**THẢO LUẬN, TRAO ĐỔI LỚP VỀ BÀI NÓI**

**a. Mục tiêu:** QVĐ

- Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.
- Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài nói.
- Chỉnh sửa bài nói cho mình và cho bạn.

**b. Nội dung:**

- GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá hoạt động nói dựa trên các tiêu chí.
- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.

**c. Sản phẩm:** Phiếu đánh giá bài nói .

**d. Tổ chức thực hiện.**

**\* Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS:

Đánh giá bài nói của các bạn đã trình bày theo phiếu đánh giá HĐ nói gắn với các tiêu chí.

- GV đặt thêm câu hỏi:

+ Với người nghe:

*Em thích nhất điều gì trong phần trình bày của bạn? Nếu muốn thay đổi, em muốn thay đổi điều gì trong phần trình bày của bạn?*

+ Với người nói:

*Em tâm đắc nhất điều gì trong phần trình bày của mình? Em muốn trao đổi, bảo lưu hay tiếp thu những góp ý của các bạn và*

**III. Đánh giá, thảo luận**

**\* Bảng kiểm tra bài nói của bạn: Tham khảo phiếu đánh giá bài nói theo tiêu chí (phía dưới)**

**\* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe:**

Nội dung kiểm tra	Đạt/chưa đạt
- Nắm và hiểu được ý chính của bài nói trình bày ý kiến của bạn	

<p><i>thầy cô? Nếu được trình bày lại, em muốn thay đổi điều gì?</i></p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p><b>* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công</b></p> <p><b>* Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <p>- GV Gọi một số HS trình bày phần nhận xét đánh giá của mình về bài nói trước lớp của bạn.</p> <p>- Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn.</p> <p><b>* Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.</b></p>	<p>- Đưa ra được những nhận xét được về ưu điểm hay điểm hạn chế của bạn; điều em tâm đắc hay điều em muốn thay đổi trong bài nói của bạn</p>	
	<p>- Thái độ chú ý tôn trọng, nghiêm túc, động viên khi nghe bạn trình bày ý kiến.</p>	

**\* GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN HS BÀI TẬP VỀ NHÀ**

**1. Bài cũ:**

- Nắm được kiến thức lí thuyết bài Nói và nghe
- Hoàn thành các bài tập trên

**2. Bài cũ**

- Chuẩn bị: HS tự đánh giá “ Treo biển” ( Truyện cười dân gian Việt Nam).
- + HS làm dự án cá nhân, nộp lại cho Giáo viên vào tiết sau để lấy bài **15p số 2.**